

**L
U
U
V
Ã
N
T
U
Y
Ê
N**

**K
H
Ó
A
X
I
(Đ
Ợ
T
02
N
Ã
M
20
19
)**

**N
G
À
N
H
C
H
Í
N
H
S
Á
C
H
C
Ô
N
G**

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
XÃ HỘI VIỆT NAM**

**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ
HỘI**

**LƯU VĂN
TUYÊN**

**Đắk
Lắk,
năm
2021**

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH
BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA
BÀN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH
ĐẮK NÔNG**

**LUẬN VĂN THẠC SỸ
NGÀNH CHÍNH SÁCH
CÔNG**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LƯU VĂN TUYÊN

**THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA
BÀN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Ngành: Chính sách công

Mã số: 8 34 04 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS Nguyễn Xuân Dũng

Đắk Lắk, năm 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn Thạc sỹ Chính sách công với đề tài: “Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận văn

Lưu Văn Tuyên

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, triển khai nghiên cứu đề tài và hoàn thành luận văn này, tôi không thể quên được công lao giảng dạy và hướng dẫn của Quý thầy/cô khoa Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội thuộc Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Tôi xin được bày tỏ sự trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc đến PGS.TS Nguyễn Xuân Dũng, người đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài này.

Tôi xin được gửi lời cảm ơn đến: Huyện ủy, UBND huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, các phòng, ban, ngành có liên quan và UBND các xã, thị trấn đã cung cấp tài liệu cũng như tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ tôi nghiên cứu đề tài.

Xin nói lời cảm ơn sâu sắc đến gia đình, các anh chị, bạn bè và đồng nghiệp đã luôn động viên, chia sẻ, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Tác giả luận văn

Lưu Văn Tuyên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	v
MỞ ĐẦU	1
Chương 1	11
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM Y TẾ	11
1.1. Các khái niệm liên quan về thực hiện chính sách công, chính sách bảo hiểm y tế	11
1.2. Quy trình nội dung thực hiện chính sách	20
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách BHYT	24
1.4. Kinh nghiệm thực hiện chính sách bảo hiểm y tế và bài học rút ra có thể áp dụng ở huyện Đắk Mil	27
Tiểu kết chương 1	31
Chương 2	32
THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG	32
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Đắk Mil ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách BHYT	32
2.2. Thực trạng công tác thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil	36
2.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil	45
2.4. Đánh giá chung	53
Tiểu kết chương 2	57

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA	
BÀN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG TRONG GIAI ĐOẠN TỚI .	58
3.1. Định hướng về việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế của huyện Đắc	
Mil trong giai đoạn phát triển mới	58
3.2. Giải pháp thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắc Mil	
đến năm 2025	60
3.3. Một số kiến nghị	66
Tiểu kết Chương 3	67
KẾT LUẬN	69
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	71

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
ASXH	An sinh xã hội
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CSSK	Chăm sóc sức khỏe
DTTS	Dân tộc thiểu số
HĐND	Hội đồng nhân dân
KCB	Khám chữa bệnh
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
NSNN	Ngân sách Nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh và Xã hội

v

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Tổng hợp các văn bản tổ chức thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil giai đoạn 2015-2020.

Bảng 2.2. Tổng hợp các hình thức phổ biến, tuyên truyền chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil giai đoạn 2015-2020.

vi

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chính sách bảo hiểm y tế (BHYT) là một trong những trụ cột của an sinh xã hội (ASXH) thể hiện vai trò, trách nhiệm của Nhà nước đối với việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Mang tính cộng đồng, chia sẻ rủi ro, giúp đỡ nhau vượt qua lúc khó khăn, hoạn nạn do đau ốm tạo được sự đoàn kết, tương thân, tương ái. BHYT là cơ chế chi trả trước được đa số các quốc gia trên thế giới áp dụng giúp người dân khi bị ốm đau không rơi vào cảnh nghèo đói. BHYT là định hướng phát triển trong chăm sóc sức khỏe người dân góp phần tích cực vào việc ổn định kinh tế xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh. BHYT đã khẳng định tính đúng đắn, phù hợp với quá trình đổi mới đất nước của chính sách ASXH của Đảng, Nhà nước ta suốt hơn 30 năm qua. BHYT còn góp phần tạo ra sự công bằng trong công tác khám chữa bệnh, người dân ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về sự cần thiết của BHYT cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội. Phần lớn người tham gia bảo hiểm xã hội, người nghỉ hưu, người mất sức lao động, đối tượng chính sách xã hội và một bộ phận người nghèo yên tâm hơn khi đau, ốm đã có chỗ dựa tin cậy từ Quỹ BHYT. Đến nay, tính ưu việt, hệ thống văn bản pháp luật về BHYT cũng như trong khám chữa bệnh và thanh toán BHYT ngày càng được hoàn thiện.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nước ta đã tiến hành chuyển đổi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước. Đổi mới cơ chế kinh tế đã tác động và ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Sự ra đời của chính sách BHYT nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng tốt hơn, là nhân tố không thể thiếu trong chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Việt Nam đã thực hiện chính sách BHYT từ năm 1992 đến nay và mục tiêu BHYT toàn dân đã được khẳng định trong các Nghị quyết của Đảng và văn bản pháp luật của Nhà nước nhằm hướng tới mục tiêu xã hội công bằng, hiệu quả, chất lượng trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, cộng đồng chia sẻ nguy cơ tổn thất tài chính của mỗi cá nhân khi ốm đau. Do vậy, điều cốt yếu là phải mở rộng phạm vi bao phủ của hệ thống này, làm thế nào để mọi người dân đều tham gia BHYT.

Tuy nhiên, sau 30 năm triển khai thực hiện cho thấy hầu hết số người tham gia BHYT chỉ là cán bộ, công chức nhà nước, người lao động và một bộ phận cộng đồng (số người có thẻ BHYT chiếm 71% dân số cả nước). Điều này cho thấy để toàn dân tham gia BHYT không phải là công việc dễ dàng, đến nay một số người dân chưa thấy được vai trò quan trọng của BHYT, từ đó tham gia một cách tự nguyện. Việc tổ chức thực hiện chính sách BHYT của các cơ quan liên quan như: cơ quan BHXH, cơ sở y tế... còn nhiều bất cập, người tham gia BHYT chưa được sử dụng các dịch vụ y tế một cách thuận tiện và phù hợp. Các hạn chế này do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhưng một trong các nguyên nhân chủ yếu đã và đang tạo ra rào cản rất lớn đối với tiến trình thực hiện mục tiêu BHYT toàn dân là do các cơ chế chính sách, pháp luật về BHYT và cơ chế quản lý thực hiện chính sách BHYT còn nhiều vấn đề chưa phù hợp với thực tế, trong đó một mặt mức sống của cộng đồng chưa cao, mặt khác sự thiếu hiểu biết của một số người dân về lợi ích mà BHYT đem lại.

Nhìn chung, quy trình triển khai thực hiện chính sách BHYT bước đầu đã thu được những kết quả tích cực tại các địa phương trong cả nước và huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông cũng không là ngoại lệ. Với việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách; phổ biến tuyên truyền chính sách; phân công phối hợp thực hiện chính sách; duy trì, điều chỉnh chính sách; theo dõi,

đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách và tổng kết, đánh giá, chính sách BHYT đã cho thấy vấn đề này được địa phương rất quan tâm.

Thực hiện mục tiêu Chương trình hành động số 27-CTr/HU ngày 29/5/2013 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 12/11/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020. Mở rộng bao phủ BHYT các nhóm đối tượng để đến năm 2020 có trên 90% dân số tham gia. Thực tế cho thấy, nhóm đối tượng đã có BHYT phần lớn là người làm công hưởng lương, đối tượng ưu đãi xã hội và hưởng trợ cấp xã hội, những nhóm này khi có thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước thì việc duy trì việc tham gia BHYT không bền vững. Nhóm đối tượng còn lại tham gia BHYT hộ gia đình chiếm 50% dân số, với khoảng 51.000 người, tự bỏ tiền để mua thẻ BHYT ở mức hạn chế và chưa duy trì được nhóm đối tượng này trong việc tham gia bảo hiểm. Một trong các nguyên nhân chủ yếu là việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn thời gian qua còn nhiều bất cập, nhất là vấn đề nhận thức của một bộ phận người dân, với tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước; năng lực cán bộ trực tiếp làm công tác thực hiện chính sách BHYT còn hạn chế... Do vậy, vấn đề đặt ra yêu cầu cho các cấp, các ngành trên địa bàn huyện Đắk Mil cần có những giải pháp hữu hiệu nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tự nguyện tham gia BHYT vì sức khỏe của mình, gia đình mình và cộng đồng xã hội [12, tr.1].

BHXH huyện Đắk Mil với vai trò là cơ quan tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn huyện; chịu trách nhiệm toàn diện trước Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện về việc mở rộng tỷ lệ bao phủ BHYT; tổ chức triển khai thực hiện; phát triển đối tượng tham gia BHYT. Do đó, rất cần phải có sự đánh giá một cách khoa học từ cách tiếp cận

của khoa học chính sách công về thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện làm cơ sở cho việc triển khai nhiệm vụ cho giai đoạn tiếp theo.

Trong bối cảnh đó, đề tài ***“Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông”*** được chọn làm đề tài luận văn Thạc sĩ ngành Chính sách công nhằm đánh giá một cách có hệ thống cơ sở lý luận và thực trạng vấn đề thực hiện chính sách BHYT thời gian qua, chỉ ra những thành tựu đã đạt được, những mặt còn hạn chế đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil. Đây là đề tài mang tính thời sự, cấp thiết về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chính sách BHYT ở Việt Nam ra đời năm 1992, sau hơn 30 năm thực hiện chính sách BHYT không ngừng thay đổi để phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia, thụ hưởng các lợi ích trong quá trình khám chữa bệnh. Đã có nhiều công trình, đề án, đề tài được nghiên cứu, công bố, chẳng hạn như:

- Cuốn sách ***“Tài liệu tuyên truyền thực hiện Nghị Quyết 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị”*** do BHXH Việt Nam biên soạn và xuất bản năm 2013. Cuốn sách tóm tắt những nội dung cơ bản của Nghị quyết 21-NQ/TW, khái quát những kết quả chủ yếu qua thực hiện Luật BHXH và Luật BHYT, từ đó cuốn sách làm rõ những hạn chế, bất cập trong thực hiện hai bộ Luật nói trên. Cuốn sách còn cung cấp một số văn bản hướng dẫn, chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết để báo cáo viên, cộng tác viên BHXH các tỉnh, thành phố có tài liệu tuyên truyền về Nghị quyết cho các nhóm đối tượng.

- Giáo sư Phạm Tất Dong và Tiến sĩ Đàm Viết Cương trong cuốn ***“Viện phí, BHYT và sử dụng dịch vụ y tế”*** (năm 2002) trong Chương trình hợp tác y tế Việt Nam - Thụy Điển. Bài viết phân tích tác động của viện phí

và BHYT đối với thực hiện công bằng trong tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm đảm bảo tính công bằng xã hội và hiệu quả trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân thời gian tới.

- Đề án “*Đánh giá hoạt động quỹ BHXH, BHYT, tính toán dự báo cân đối quỹ BHXH, BHYT đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*” (năm 2011). Đây là đề án lớn với sự phối hợp giữa BHXH Việt Nam, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ và Tổng cục Thống kê thực hiện năm 2011 do Tiến sĩ Đỗ Văn Sinh làm chủ nhiệm. Liên quan đến BHYT, đề án đã có những đánh giá khá toàn diện, sát thực tình hình hoạt động của quỹ BHYT qua các giai đoạn từ khi BHYT triển khai ở nước ta. Với giai đoạn gần đây, công trình nghiên cứu đã khẳng định những thành tựu đạt được và hạn chế của hoạt động quỹ BHYT, qua đó đưa ra những đánh giá xác đáng về hoạt động của quỹ BHYT và dự báo tính cân đối quỹ BHYT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Đề tài “*Bảo hiểm y tế trong hệ thống an sinh xã hội. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay*” của tác giả Trịnh Hòa Bình và nhóm nghiên cứu đã đề cập đến BHYT trong hệ thống BHXH, thực hiện chính sách phúc lợi xã hội và một số cơ chế đảm bảo công bằng trong chăm sóc sức khỏe, bên cạnh đó nhóm nghiên cứu còn phân tích cách tiếp cận các dịch vụ BHYT của nhóm yếu thế trong xã hội và những thay đổi trong chính sách về BHYT, nhu cầu tham gia BHYT của các đối tượng khác nhau.

- PGS.TS Đặng Nguyên Anh làm chủ nhiệm đề tài “*Những yếu tố quyết định khả năng tham gia BHYT ở Việt Nam*” đã tìm hiểu thực trạng BHYT trên thế giới và Việt Nam. Các yếu tố quyết định khả năng tiếp cận BHYT của một số nhóm đối tượng đặc thù như người nghèo ở nông thôn, lao động di cư từ nông thôn ra thành thị và nhóm cán bộ, công chức đô thị rất khác nhau về đặc trưng và lợi thế nghề nghiệp, về nguồn lực kinh tế và về vốn

xã hội. So sánh mức độ tiếp cận dịch vụ y tế của ba nhóm đối tượng trên đã làm sáng tỏ các yếu tố quyết định trong khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế. Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề tài chỉ ra một số định hướng, một số chính sách nhằm nâng cao diện che phủ của chương trình BHYT ở Việt Nam.

- Phạm Đình Thành, Lưu Thị Thu Thủy (2013), “*Các giải pháp cơ bản nhằm tiến tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân*”, AMBN.vn. Đây là đề tài nghiên cứu khoa học đề cập đến một số vấn đề lý luận cơ bản về BHYT. Hai tác giả đã giới thiệu mô hình BHYT của một số nước trên thế giới và đã đưa ra các giải pháp cơ bản nhằm tiến tới thực hiện BHYT toàn dân.

- Đỗ Ngân Bình với bài viết “Hoàn thiện pháp luật về Bảo hiểm y tế ở Việt Nam hiện nay” trên *Tạp chí Luật học* số 1/2008 đã tập trung đánh giá một cách khái quát việc ban hành và thực hiện các quy định về BHYT ở Việt Nam, qua đó xác định một số nhóm giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện pháp luật về BHYT, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định này trong việc chăm sóc sức khỏe toàn dân ở Việt Nam.

- Đào Văn Dũng với bài viết “Thực hiện chính sách BHYT ở nước ta: Thành tựu, thách thức và giải pháp”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 8/2009 đã đề cập đến hệ thống tổ chức bộ máy và chính sách BHYT; đối tượng tham gia BHYT ngày càng được mở rộng và tăng dần số lượng; quyền lợi của người tham gia BHYT ngày càng đầy đủ hơn; tổ chức khám chữa bệnh (KCB) và thanh toán chi phí KCB BHYT ngày càng phù hợp hơn; thu, chi quỹ BHYT tăng dần hàng năm; phân tích một số vấn đề còn bất cập trong thực hiện chính sách BHYT, từ đó tác giả đã đưa ra một số giải pháp để khắc phục và từng bước hoàn thiện chính sách BHYT, nâng cao chất lượng KCB BHYT, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về KCB của những người có thẻ BHYT.

- Nguyễn Thị Kim Hoa và Mai Linh với bài “Thực trạng sử dụng thẻ BHYT của người dân”, *Tạp chí Xã hội học*, số 2 (130) năm 2015. Các tác giả

cho thấy những khác biệt về thói quen KCB và việc sử dụng thẻ BHYT giữa hai địa bàn thành thị và nông thôn, từ đó đề xuất một số giải pháp kiến nghị giúp nâng cao chất lượng KCB BHYT nhằm tạo động lực cho người dân tham gia BHYT.

Qua các công trình nghiên cứu về BHYT và thực hiện chính sách BHYT ở những góc độ khác nhau và cơ quan, đơn vị khác nhau cũng như những bài viết liên quan đến chủ đề nghiên cứu, cho thấy đây là cơ sở để có thể tham khảo và kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có, đồng thời có cách nhìn toàn diện hơn về chính sách BHYT và thực hiện chính sách BHYT hiện nay, có thể vận dụng trong việc nghiên cứu đề tài liên quan.

Tuy nhiên, đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào bàn về việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Đây được coi là khoảng trống nghiên cứu cần được tiến hành nghiên cứu từ góc độ ngành Chính sách Công, do đó đề tài “*Thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông*” là không có sự trùng lặp và rất cần thiết nhằm đánh giá thực trạng, những khó khăn cũng như đưa ra những giải pháp phù hợp với thực tế góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương trong thực hiện chính sách BHYT để tạo điều kiện tốt hơn cho người thụ hưởng chính sách.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách bảo hiểm y tế, luận văn đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách bảo hiểm y tế.

- Đánh giá thực trạng việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đề xuất giải pháp thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Tập trung nghiên cứu việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về không gian*: địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- *Phạm vi về nội dung*: nghiên cứu việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- *Phạm vi về thời gian*: Giai đoạn 2015 - 2020 và các giải pháp đến năm 2025.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng tỏ mục tiêu nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu tổng hợp khác nhau như: So sánh, phân tích, mô tả đồng thời kết hợp phương pháp nghiên cứu lý thuyết với phân tích thực trạng.

Luận văn được tiến hành nghiên cứu thông qua phương pháp bàn giấy (Desk Study). Đồng thời sử dụng tài liệu thứ cấp như: Báo cáo phát triển

KT-XH của huyện Đắk Mil; Báo cáo kết quả công tác BHXH, BHYT huyện Đắk Mil; Báo cáo tổng kết công tác BHYT học sinh - sinh viên huyện Đắk Mil;

Báo cáo công tác truyền thông của BHXH huyện Đắk Mil; Báo cáo kết quả điều tra rà soát hộ nghèo huyện Đắk Mil... và các số liệu, tài liệu có liên quan ở các cơ quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, gắn liền với hoạt động thực tiễn tại đơn vị, tác giả kết hợp nghiên cứu thông qua các tài liệu liên quan thu thập được với việc đi thực tế và trao đổi phỏng vấn với những người làm công tác trong ngành để tìm hiểu và thực hiện mục đích nghiên cứu của đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn đã góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận về chính sách bảo hiểm y tế, thực hiện chính sách BHYT, đồng thời nghiên cứu kinh nghiệm của một số địa phương và rút ra bài học về thực hiện chính sách bảo hiểm y tế có thể áp dụng vào huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên cơ sở đánh giá thực trạng cũng như phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, luận văn đã đề xuất một số giải pháp hoàn thiện việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn tới.

Kết quả nghiên cứu này có thể làm tài liệu cho những người quan tâm và các địa phương có điểm tương đồng tham khảo, triển khai trong thực tiễn.

7. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm có 3 chương, như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về thực hiện chính sách bảo hiểm y tế.

Chương 2. Thực trạng thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Chương 3. Giải pháp thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trong giai đoạn tới.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM Y TẾ

1.1. Các khái niệm liên quan về thực hiện chính sách công, chính sách bảo hiểm y tế

1.1.1. Chính sách công

Chính sách là những tư tưởng, những định hướng, những mong muốn cần hướng tới, cần đạt được (chiến lược hay kế hoạch, thậm chí pháp luật chẳng qua chỉ là hình thức, là phương tiện để chuyển tải, để thể hiện chính sách). Chính sách là sự thể hiện cụ thể của đường lối chính trị chung. Dựa vào đường lối chính trị chung, cương lĩnh chính trị của đảng cầm quyền mà người ta định ra chính sách.

Chính sách công là một tập hợp các quyết định liên quan với nhau do Nhà nước ban hành, bao gồm các mục tiêu và giải pháp để giải quyết một vấn đề công nhằm đạt được các mục tiêu phát triển.

Chính sách công biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau như luật, nghị định, thông tư, hướng dẫn. Đó là những chính sách ngắn hạn. Ở mức độ dài hơi hơn, chính sách công biểu hiện bằng các cơ chế (quản lý, phân phối, lợi ích, ...).

Đến nay, định nghĩa về chính sách công trên thế giới vẫn là một chủ đề sôi động đang được tranh cãi trong giới nghiên cứu. Người đầu tiên sáng lập ra khoa học chính sách là Harold Lasswell và sau đó được phát triển bởi các học giả khác ở Mỹ và Anh. Kể từ đó, khoa học chính sách không ngừng phát triển, dần dần thay thế các nghiên cứu chính trị truyền thống, đặc biệt là hợp nhất giữa nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn hoạt động chính trị. Theo phương diện hoạt động chính trị thì chính sách công phong phú, chính vì vậy, các nhà khoa học có nhiều cách tiếp cận để đưa ra khái niệm về chính sách công. Cho

dù tiếp cận theo nhiều cách khác nhau, song các khái niệm đều thống nhất cho rằng chính sách là chương trình hành động của Nhà nước dùng để giải quyết những vấn đề chung vì lợi ích của đời sống cộng đồng. Thomas Dye đưa ra một định nghĩa ngắn gọn về chính sách công: “Chính sách công là bất kỳ những gì mà Nhà nước lựa chọn làm hoặc không làm” [32].

Ở nước ta cũng có nhiều quan điểm khác nhau về chính sách công, như: Viện Chính trị học cho rằng: “Chính sách công là chương trình hành động hướng đích của chủ thể nắm hoặc chi phối quyền lực công cộng” [31]. Cũng bàn về chính sách công, theo PGS.TS. Nguyễn Hữu Hải: “Chính sách công là kết quả ý chí chính trị của Nhà nước được thể hiện bằng một tập hợp các quyết định có liên quan với nhau, bao hàm trong đó định hướng mục tiêu cách thức giải quyết những vấn đề công trong xã hội [13]. Theo PGS.TS. Hồ Việt Hạnh, khái niệm chính sách công được hiểu là: “Chính sách công là những quyết định của chủ thể được trao quyền lực công nhằm giải quyết những vấn đề vì lợi ích chung của cộng đồng” [14].

Đến nay, trên thế giới có nhiều quan điểm về thực hiện chính sách công được đưa ra, có thể kể ra như:

- Theo Amy DeGroff, Margaret Cargo, thực hiện chính sách công phản ánh một quá trình thay đổi phức tạp mà các quyết định của Nhà nước được chuyển thành các chương trình, thủ tục, các quy định hoặc các hoạt động nhằm đạt được những cải thiện xã hội [33, tr47].

- Ottoson và Green cho rằng, thực hiện chính sách công là một quá trình lặp đi lặp lại, trong đó các ý tưởng được thể hiện trong chính sách công được biến đổi thành hành vi, được thể hiện thành hành động xã hội. Thông thường, hành động xã hội được biến đổi từ chính sách nhằm đạt được sự cải thiện xã hội và thường được thể hiện phổ biến nhất dưới dạng các chương trình, thủ tục, quy định và hành động [33, tr. 62].

- Theo Thomas Dye, thực hiện chính sách công bao gồm tất cả các hoạt động được thiết kế để thực hiện các chính sách công đã được thông qua bởi cơ quan lập pháp. Vì các chính sách công có những tác động mong muốn hoặc có chủ định, nên chúng phải được chuyển thành các chương trình và các dự án mà sau đó được thực hiện để đạt được một tập hợp các mục tiêu hoặc mục đích [32].

Từ những quan điểm trên có thể hiểu rằng: Thực thi chính sách công là quá trình đưa chính sách công vào thực tiễn đời sống xã hội thông qua việc ban hành các văn bản, chương trình, dự án thực thi chính sách công và tổ chức thực hiện chúng nhằm hiện thực hóa mục tiêu chính sách công. Thực thi chính sách là một trong những giai đoạn quan trọng của chu trình chính sách công, nếu thiếu công đoạn này thì chu trình chính sách không thể tồn tại. Tổ chức thực thi chính sách công là trung tâm kết nối các bước trong chu trình chính sách công thành một hệ thống, nhất là với hoạch định chính sách. So với các khâu khác trong chu trình chính sách, tổ chức thực thi có vị trí đặc biệt quan trọng, vì đây là bước hiện thực hóa chính sách trong đời sống xã hội.

Theo Wayne Hayes, quá trình thực hiện chính sách công có 4 khả năng xảy ra: (1) Chính sách công tốt và thực hiện tốt dẫn đến thành công; (2) Chính sách công tốt, nhưng thực hiện tồi dẫn đến thất bại; (3) Chính sách công tồi, nhưng thực hiện tốt dẫn đến thành công; (4) Chính sách công tồi và thực hiện tồi dẫn đến thất bại kép [34, tr.1]. Như vậy, hoạch định một chính sách tốt là hết sức khó khăn và trải qua rất nhiều công đoạn nhưng cho dù chính sách có tốt đến mấy nhưng không được tổ chức thực thi hay thực thi kém thì nó cũng không mang lại hiệu quả, không đạt được mục tiêu mà uy tín của Nhà nước còn bị ảnh hưởng. Từ đó giúp chúng ta nhận thức được tầm quan trọng của

thực hiện chính sách công và chủ động tích cực tham gia vào tổ chức thực hiện chính sách công một cách hiệu quả.

1.1.2. Khái niệm bảo hiểm y tế

Ra đời từ cuối thế kỷ XIX, BHYT là một trong những biện pháp hiệu quả nhất giúp đỡ mọi người khi gặp rủi ro về sức khỏe để trang bị phần nào chi phí khám chữa bệnh giúp ổn định đời sống góp phần bảo đảm an toàn xã hội. BHYT là một trong những nội dung của BHXH được quy định trong Công ước 102 ngày 28/6/1952 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về các tiêu chuẩn tối thiểu cho các loại trợ cấp BHXH.

Khái niệm BHYT, theo Từ điển Bách khoa Việt Nam (năm 1995), “ BHYT là loại bảo hiểm do Nhà nước tổ chức, quản lý nhằm huy động sự đóng góp của cá nhân, tập thể và cộng đồng xã hội để chăm lo sức khỏe, khám bệnh và chữa bệnh cho nhân dân” [18, tr.42].

Theo Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 14/11/2008: BHYT là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận, do Nhà nước tổ chức thực hiện và các đối tượng có trách nhiệm tham gia theo quy định của Luật này. [15, tr. 2].

Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (số 46/2014/QH13) được Quốc hội thông qua ngày 13/6/2014: BHYT là hình thức bảo hiểm bắt buộc được áp dụng đối với các đối tượng theo quy định của Luật này để chăm sóc sức khỏe, không vì mục đích lợi nhuận do Nhà nước tổ chức thực hiện. [16, tr. 1].

Như vậy, BHYT là hình thức huy động nguồn lực tài chính của cộng đồng, dưới sự tổ chức và bảo hộ của Nhà nước, thực hiện nguyên tắc chia sẻ rủi ro, lấy tài chính từ đóng góp của số đông người khỏe mạnh, bù đắp, trợ giúp thanh toán viện phí cho số ít người tham gia không may rủi ro đau ốm, đi

khám chữa bệnh. BHYT vừa mang bản chất xã hội vì đó là loại hình bảo hiểm vì mục tiêu an sinh xã hội, thể hiện sự trợ giúp mang tính Nhà nước và sự tương hỗ mang tính cộng đồng.

Song BHYT cũng mang yếu tố kinh tế thuộc phạm trù kinh tế - y tế. BHYT là cần thiết với tất cả mọi người, đó là công cụ đảm bảo quyền ASXH cơ bản của con người, là sự san sẻ rủi ro của mọi người trong cộng đồng, tạo ra sự công bằng trong khám chữa bệnh, làm tăng chất lượng khám chữa bệnh và quản lý y tế, góp phần làm giảm gánh nặng cho ngân sách Nhà nước và cho gia đình.

1.1.3. Khái niệm chính sách bảo hiểm y tế

Chính sách BHYT là hình thức bảo hiểm được áp dụng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe do Nhà nước tổ chức thực hiện và các đối tượng có trách nhiệm tham gia theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

Mục tiêu của chính sách BHYT là đạt bao phủ toàn dân, đảm bảo việc chăm sóc sức khỏe, tiếp cận các dịch vụ y tế một cách công bằng, bình đẳng đối với các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội. BHYT là cơ chế tài chính quan trọng và cũng là cơ chế chi trả trước được các quốc gia trên thế giới áp dụng giúp người dân khi bị ốm đau không bị rơi vào cảnh đói nghèo, định hướng phát triển trong chăm sóc sức khỏe nhân dân góp phần tích cực trong việc ổn định kinh tế - xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ và văn minh. BHYT là một chính sách xã hội mang ý nghĩa nhân văn, chia sẻ cộng đồng được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, coi trọng.

1.1.4. Khái niệm thực hiện chính sách bảo hiểm y tế

BHYT là một trong những chính sách công quan trọng của Nhà nước nhằm mục đích ASXH, tạo nguồn tài chính quan trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần tích cực trong ổn định đời sống của nhân

dân, thúc đẩy KT-XH phát triển. Vì vậy, từ khái niệm về thực thi chính sách công nói trên, có thể hiểu rằng: Thực hiện chính sách BHYT là quá trình đưa chính sách BHYT vào thực tiễn đời sống xã hội thông qua việc ban hành các văn bản, chương trình, đề án thực thi chính sách BHYT và tổ chức thực hiện chúng nhằm hiện thực hóa mục tiêu chính sách BHYT, mà cụ thể là mục tiêu BHYT toàn dân. Chính sách BHYT ở Việt Nam bắt đầu được thực hiện từ năm 1992. Điều 39, Hiến pháp nước ta đã quy định “Thực hiện BHYT tạo điều kiện để mọi người dân được chăm sóc sức khỏe” là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc triển khai thực hiện chính sách BHYT. Ngày 15 tháng 8 năm 1992, Chính phủ ban hành Điều lệ BHYT kèm theo Nghị định số 299/HĐBT.

Trải qua 30 năm thực hiện chính sách BHYT, nhiều Nghị định và các Thông tư hướng dẫn mới được ban hành nhằm điều chỉnh, sửa đổi chính sách BHYT, đã thể hiện sự quan tâm của Nhà nước trong việc phát triển BHYT, đồng thời khẳng định tính đúng đắn của một chính sách xã hội của Nhà nước. Do đó, thu hút sự tham gia BHYT của người dân tiến tới bao phủ BHYT toàn dân là mục tiêu mà Việt Nam theo đuổi phù hợp với tiến trình đổi mới phát triển của đất nước.

Một số quy định về thực hiện chính sách BHYT ở nước ta, cụ thể như sau:

- Về thông tuyến khám chữa bệnh (KCB), từ ngày 01/01/2016 người tham gia BHYT đăng ký KCB tại bất cứ cơ sở y tế nào khi đi KCB tại bệnh viện tuyến huyện trên phạm vi toàn quốc đều được hưởng quyền lợi về

BHYT, người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại trạm y tế tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện, được quyền KCB tại các cơ sở này trong phạm vi một tỉnh. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia BHYT được lựa chọn nơi khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với tình trạng bệnh tật mà vẫn được Quỹ BHYT thanh toán chi phí KCB

trong phạm vi quyền lợi và mức hưởng BHYT, bỏ qua rào cản về thủ tục hành chính.

- Nhiều danh mục thuốc thuộc Quỹ BHYT được mở rộng, chất lượng thuốc tốt hơn được sử dụng trong lĩnh vực điều trị ung thư được Quỹ BHYT thanh toán; nhiều loại thuốc điều trị các bệnh mãn tính như tim mạch, tiểu đường, thận đều được Quỹ BHYT chi trả. Tham gia BHYT là cơ hội cho mỗi người được hưởng những quyền lợi về chăm sóc sức khỏe của bản thân và được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản.

Ngoài ra, việc tham gia BHYT thể hiện sự chia sẻ rủi ro với cộng đồng trên nguyên tắc lấy số đông bù số ít, góp phần giúp người bệnh phòng tránh rủi ro tài chính khi chẳng may bị đau ốm. Diện bao phủ BHYT càng cao thì mức độ bù đắp những rủi ro về vật chất và tinh thần cho người tham gia BHYT càng được nâng cao.

1.1.5. Vai trò của chính sách bảo hiểm y tế

BHYT có vai trò là thiết chế tài chính bảo vệ người tham gia tránh những nguy cơ phải chi trả chi phí y tế quá cao nếu chẳng may mắc bệnh.

Chính sách BHYT là một trong những chính sách quan trọng, có vai trò trụ cột trong hệ thống chính sách ASXH; nó tác động đến đời sống kinh tế và chăm sóc sức khỏe của hầu hết các thành viên trong xã hội. Trải qua hơn 20 năm thực hiện chính sách BHYT, Chính phủ, các Bộ, Ngành liên quan đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực BHYT. Tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai thực hiện chính sách BHYT, góp phần ổn định và tăng trưởng nguồn tài chính cho việc chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Ngay từ khi ra đời, chính sách BHYT đã có vai trò rất thiết thực, đó là:

Thứ nhất, giúp những người tham gia BHYT khắc phục khó khăn về kinh tế khi bất ngờ bị ốm đau, bệnh tật bởi vì trong quá trình điều trị, chi phí

rất tốn kém, ảnh hưởng đến ngân sách gia đình, trong khi thu nhập của họ bị giảm đáng kể, thậm chí mất thu nhập.

Thứ hai, góp phần giảm gánh nặng cho NSNN. Ở phần lớn các quốc gia trên thế giới, Chính phủ chỉ đầu tư khoảng 60% ngân sách y tế. Có nhiều biện pháp mà Chính phủ các nước đã thực hiện để giải quyết vấn đề này, như sự đóng góp của cộng đồng xã hội, trong đó có biện pháp thu viện phí của người đến KCB. Nhưng đôi khi giải pháp này lại gặp trở ngại từ mức sống của người dân. Vì vậy, biện pháp hiệu quả nhất là thực hiện BHYT để giảm gánh nặng cho NSNN, khắc phục sự thiếu hụt về tài chính, đáp ứng nhu cầu KCB ngày càng tăng của người dân.

Thứ ba, nâng cao chất lượng trong KCB và góp phần thực hiện công bằng xã hội. Sự thiếu hụt ngân sách y tế đã không đảm bảo nhu cầu KCB. Chất lượng và số lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành y tế không những không đáp ứng nhu cầu KCB của người dân mà còn bị giảm sút. Vì vậy, thông qua sự đóng góp của người tham gia vào Quỹ BHYT sẽ hỗ trợ cho ngân sách, nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ của ngành y tế. Mọi người dân bất kể giàu, nghèo sau khi tham gia BHYT đều được KCB và chăm sóc sức khỏe như nhau, do đó đảm bảo được công bằng xã hội.

Thứ tư, gắn bó mọi thành viên với xã hội và nâng cao tính cộng đồng. Phương châm của chính sách BHYT là “lá lành đùm lá rách” và “lá rách ít đùm lá rách nhiều”, “mình vì mọi người, mọi người vì mình”. Vì vậy, mọi thành viên trong xã hội gắn bó và tính cộng đồng được nâng lên [24, tr.81-82]. Như vậy, BHYT góp phần vào việc phân phối lại thu nhập quốc dân một cách công bằng, hợp lý giữa các tầng lớp dân cư, đồng thời giảm chi cho NSNN, bảo đảm ASXH bền vững là một công cụ đắc lực của Nhà nước,.

Bản chất của BHYT là huy động sự đóng góp của các cá nhân, tổ chức và cộng đồng để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

1.1.6. Nguyên tắc của bảo hiểm y tế

Nguyên tắc của chính sách BHYT là chia sẻ rủi ro giữa những người tham gia BHYT không may gặp ốm đau, bệnh tật. Vì vậy, chỉ khi nào toàn dân tham gia BHYT thì mới thật sự có sự công bằng trong khám bệnh, chữa bệnh, Quỹ BHYT mới được duy trì, ổn định.

- Quyền được tham gia BHYT: Bình đẳng về tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ BHYT yêu cầu bảo đảm quyền được hưởng BHYT của mọi thành viên lên trên hết khi thiết kế các chế độ, chính sách và điều kiện thụ hưởng đối với từng nhóm đối tượng đặc thù; đảm bảo không có sự sai lệch, thiên vị giữa các đối tượng của cùng một hàng thụ hưởng một loại hình dịch vụ BHYT cụ thể; đồng thời đảm bảo công bằng giữa đóng góp và thụ hưởng của các nhóm đối tượng khác nhau.

- Nguyên tắc bình đẳng về tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ BHYT không có nghĩa là xây dựng chế độ đồng nhất cho các nhóm bệnh lý: Đánh đồng chế độ trợ giúp với các nhóm bệnh lý khác nhau đồng nghĩa với vi phạm nguyên tắc bình đẳng về tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ BHYT.

- Tăng cường khả năng phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro và đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh cho người dân: Nguyên tắc này hướng ưu tiên chủ động phòng ngừa rủi ro nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân thông qua các chính sách BHYT.

- Đảm bảo giảm thiểu rủi ro đối với người dân khi gặp khó khăn về sức khỏe: Theo nguyên tắc này thì cần thực hiện các biện pháp hành chính quản lý thu BHYT của 100% người dân. Nguyên tắc nâng cao độ bảo phủ nhằm giảm thiểu rủi ro cho các nhóm đối tượng tham gia BHYT trước hết cần tập trung hướng tới thu hút sự tham gia đầy đủ của mọi đối tượng. Tiếp đó là đảm bảo khắc phục rủi ro cho người dân không may rơi vào cảnh khó khăn mà bản thân không có khả năng tự thoát ra thông qua các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

cho đối tượng yếu thế. Nguyên tắc này chú trọng đến việc xác định và đưa thêm vào danh sách các đối tượng tham gia BHYT thuộc nhóm người nghèo, thuộc diện khó khăn chưa được hưởng các chế độ hỗ trợ cả đầu vào (tham gia BHYT) và đầu ra (thanh toán BHYT).

- Bảo đảm tính bền vững của hệ thống BHYT: nguyên tắc này cần được triệt để tôn trọng vì có đảm bảo được tính bền vững của hệ thống BHYT mới có điều kiện duy trì, nâng cao độ bao phủ của BHYT.

1.2. Quy trình nội dung thực hiện chính sách

1.2.1. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách

Kế hoạch triển khai chính sách được xây dựng trước khi đưa chính sách vào cuộc sống, triển khai chính sách từ Trung ương đến địa phương phải xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện gồm những nội dung cơ bản sau:

- + Kế hoạch về tổ chức, điều hành;
- + Kế hoạch cung ứng các nguồn vật lực;
- + Kế hoạch triển khai thực hiện;
- + Kế hoạch đôn đốc, kiểm tra, thực thi chính sách;
- + Dự kiến những nội quy về tổ chức, điều hành; về trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ, công chức và các cơ quan Nhà nước tham gia: tổ chức điều hành chính sách, về các biện pháp thi đua, khen thưởng, kỷ luật các cá nhân, tập thể trong tổ chức thực thi chính sách.

+ Dự kiến kế hoạch thực thi ở cấp nào thì do lãnh đạo cấp đó xem xét, thông qua. Sau khi quyết định thông qua, kế hoạch thực hiện chính sách mang tính giá trị pháp lý, được mọi người chấp hành thực hiện. Việc điều chỉnh kế hoạch cũng do cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch, quyết định.

1.2.2. Phổ biến, tuyên truyền chính sách

Đây là một hoạt động quan trọng, có ý nghĩa lớn với quan Nhà nước và các đối tượng thực thi chính sách. Phổ biến tuyên truyền chính sách tốt giúp

cho các đối tượng chính sách và mọi người dân tham gia thực thi hiểu rõ về mục đích, yêu cầu của chính sách; về tính đúng đắn của chính sách trong điều kiện hoàn cảnh nhất định và về tính khả thi của chính sách,... để họ tự giác thực hiện theo yêu cầu quản lý của Nhà nước. Đồng thời, còn giúp cho mỗi cán bộ, công chức có trách nhiệm tổ chức thực thi chính sách nhận thức đầy đủ tính chất, trình độ, quy mô của chính sách với đời sống xã hội để chủ động tích cực tìm kiếm các giải pháp thích hợp cho việc thực hiện mục tiêu chính sách và triển khai thực thi có hiệu quả kế hoạch tổ chức thực hiện chính sách được giao.

1.2.3. Phân công, phối hợp thực hiện chính sách

Muốn tổ chức thực hiện chính sách có hiệu quả phải tiến hành phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý, các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, các yếu tố tham gia thực thi chính sách và các quá trình ảnh hưởng đến thực hiện mục tiêu chính sách. Trong thực tế, thường hay phân công cơ quan chủ trì và các cơ quan phối hợp thực hiện một chính sách cụ thể nào đó. Chính sách có thể tác động đến lợi ích của một bộ phận dân cư, nhưng kết quả tác động lại liên quan đến nhiều yếu tố, quá trình thuộc các bộ phận khác nhau, nên cần phải phối hợp chúng lại để đạt yêu cầu quản lý. Hoạt động phân công, phối hợp cần được thực hiện theo tiến trình, có kế hoạch một cách chủ động, sáng tạo để luôn duy trì chính sách được ổn định, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chính sách.

1.2.4. Duy trì, điều chỉnh chính sách

Đây là những hoạt động nhằm bảo đảm cho chính sách tồn tại được và phát huy tác dụng trong môi trường thực tế. Muốn vậy phải có sự đồng tâm, hợp lực của cả người tổ chức, người thực thi và môi trường tồn tại. Đối với các cơ quan Nhà nước tổ chức thực thi chính sách phải thường xuyên tuyên

truyền, vận động các nhóm đối tượng và toàn xã hội tích cực tham gia thực thi chính sách.

Nếu việc thực thi chính sách gặp phải những khó khăn do môi trường thực tế biến động, thì các cơ quan Nhà nước sử dụng hệ thống công cụ quản lý tác động nhằm tạo lập môi trường thuận lợi cho việc thực thi chính sách công. Nhà nước chủ động điều chỉnh chính sách sao cho phù hợp với điều kiện kinh tế, vùng, miền. Trong một chừng mực nào đó, để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, Nhà nước có thể kết hợp sử dụng biện pháp hành chính để duy trì chính sách. Những điều chỉnh trên đây sẽ góp phần tích cực vào việc duy trì chính sách trong đời sống xã hội.

Điều chỉnh chính sách được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sao cho chính sách phù hợp với yêu cầu quản lý và tình hình kinh tế - xã hội. Theo quy định, cơ quan nào ban hành chính sách thì cơ quan đó được quyền điều chỉnh, bổ sung chính sách. Nhưng trên thực tế, việc điều chỉnh các cơ chế, chính sách diễn ra rất năng động, linh hoạt. Vì vậy, Nhà nước, các cấp, ngành cần chủ động điều chỉnh cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chính sách, miễn là không làm thay đổi mục tiêu ban đầu của chính sách. Các nguyên tắc cần phải chấp hành khi điều chỉnh chính sách là để chính sách tiếp tục tồn tại chỉ được điều chỉnh cơ chế thực hiện mục tiêu hoặc bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu theo yêu cầu thực tế chứ không cho phép điều chỉnh mà làm thay đổi mục đích, làm thay đổi chính sách, thì coi như chính sách đó thất bại.

1.2.5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách

Các điều kiện về văn hóa - xã hội, kinh tế - chính trị, môi trường tại các vùng, miền, địa phương không giống nhau và trình độ, năng lực tổ chức điều hành của cán bộ trong các cơ quan Nhà nước không đồng đều. Do vậy, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần phải tiến hành theo dõi, đôn đốc, kiểm tra,

việc thực thi chính sách. Qua quá trình theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các mục tiêu và giải pháp chủ yếu của chính sách lại được khẳng định để nhắc nhở mỗi cán bộ, công chức, mỗi đối tượng thực thi chính sách cần tập trung chú ý những nội dung ưu tiên trong quá trình thực thi chính sách. Căn cứ kế hoạch kiểm tra được phê duyệt, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện hoạt động kiểm tra có hiệu quả. Qua quá trình kiểm tra và theo dõi sát sao tình hình tổ chức thực thi chính sách, đồng thời kịp thời bổ sung, hoàn thiện, chấn chỉnh công tác tổ chức thực thi chính sách giúp cho việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện mục tiêu của chính sách.

1.2.6. Tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện chính sách

Đánh giá, tổng kết trong việc tổ chức thực hiện chính sách được hiểu là quá trình xem xét, kết luận về chỉ đạo, điều hành và chấp hành chính sách của các đối tượng thực thi chính sách. Đối tượng được xem xét, đánh giá, tổng kết, chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách là các cơ quan Nhà nước từ cấp Trung ương đến cơ sở.

Ngoài ra còn xem xét đến vai trò và chức năng của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội trong việc tham gia thực hiện chính sách. Cơ sở để đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách trong các cơ quan Nhà nước là kế hoạch được giao và những quy chế, nội quy liên quan. Đồng thời sử dụng kết hợp các văn bản liên tịch giữa cơ quan Nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản quy phạm khác để xem xét tình hình phối hợp, chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách của các tổ chức chính trị - xã hội với Nhà nước.

Bên cạnh việc điều hành, đánh giá, tổng kết kết quả chỉ đạo của các cơ quan Nhà nước, chúng ta cần xem xét, đánh giá việc thực thi của các đối tượng tham gia bao gồm các đối tượng thụ hưởng lợi ích trực tiếp và gián tiếp từ chính sách, nghĩa là tất cả các thành viên trong xã hội với tư cách là

công dân. Đánh giá kết quả thực hiện của các đối tượng này là tinh thần hưởng ứng với mục tiêu chính sách và ý thức chấp hành những quy định về cơ chế, biện pháp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để thực hiện mục tiêu chính sách trong từng điều kiện về không gian và thời gian.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách BHYT

1.3.1. Yếu tố bên trong

1.3.1.1. Nhận thức về chính sách và thực hiện chính sách BHYT

BHYT là vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi từng người dân, tuy nhiên, có thể nhận thấy một đặc điểm chung khá phổ biến đó là: người dân đều quan tâm nhưng lại thiếu tin tưởng để quyết định bỏ tiền ra tham gia BHYT. Họ cũng nhận thấy việc mua BHYT là cần thiết, phòng khi đau ốm, bệnh tật nên đã chấp nhận bỏ tiền ra mua để được hưởng quyền lợi khi đi khám chữa bệnh.

1.3.1.2. Thu nhập của người dân

Thu nhập của người dân là một yếu tố hết sức quan trọng đến việc tham gia BHYT, nhất là việc tham gia cho cả hộ gia đình. Đắk Mil là huyện miền núi, điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn, thêm vào đó giá cả nông sản bấp bênh, mất mùa, hạn hán thường xuyên xảy ra. Điều này là một yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả của việc thực hiện chính sách BHYT của huyện Đắk Mil.

1.3.2. Yếu tố bên ngoài

1.3.2.1. Chính sách BHYT về viện phí và hỗ trợ của Nhà nước

Nhìn chung, cơ chế, chính sách, pháp luật của Nhà nước luôn giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước nói chung trong từng thời kỳ, chính sách bảo hiểm y tế cũng không là ngoại lệ. Nhằm bảo đảm quyền lợi cho người có thẻ BHYT, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, ngày 29/10/2015, Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số

37/2015/TTLT-BYT-BTC, về việc quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc. Theo đó, từ ngày 1/3/2016, giá của 1.887 dịch vụ thanh toán từ Quỹ BHYT được điều chỉnh theo hướng tăng do tính thêm chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù vào cơ cấu giá. Quyền lợi của người bệnh sẽ tăng lên, không phải chi trả thêm hoặc tự mua một số loại vật tư, hóa chất, thuốc mà trước đây chưa tính vào giá.

1.3.2.2. Chất lượng khám chữa bệnh BHYT

Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của khu vực y tế tư nhân và việc đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, nhất là trong khoảng hơn 5 năm trở lại đây đã tạo ra sự phát triển mạnh mẽ về các dịch vụ kỹ thuật tiên tiến kể cả tuyến trung ương và tuyến y tế cơ sở, nhiều cơ sở tuyến dưới đã thực hiện được dịch vụ kỹ thuật vượt tuyến. Bộ Y tế đã xây dựng nhiều đề án nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh: đề án “Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên hỗ trợ bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh”; đề án “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng người bệnh”.

Cùng với sự đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh; các biện pháp nhằm giảm quá tải bệnh viện ... đã thực sự tạo ra một bộ mặt mới cho ngành y tế. Mỗi người dân nói chung, người có thẻ BHYT nói riêng khi đi khám chữa bệnh đã có nhiều lựa chọn cho mình một nơi phù hợp nhất và đặt niềm tin vào các cơ sở khám chữa bệnh mà mình lựa chọn.

1.3.2.3. Công tác truyền thông

Công tác truyền thông luôn giữ vai trò quan trọng, luôn đi trước một bước bởi có thay đổi nhận thức mới thay đổi được thái độ, hành vi. Người dân, người lao động và doanh nghiệp có nhận thức đầy đủ về chính sách

BHYT mới tự giác, tích cực và chủ động tham gia. Vấn đề là cần tuyên truyền cụ thể và dễ hiểu để tăng số người tham gia, tăng diện bao phủ về BHYT thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân. Như vậy, bên cạnh việc nâng cao chất lượng hoạt động BHYT rất cần sự nỗ lực của các cơ quan chức năng trong công tác truyền thông về chính sách BHYT, ngành BHXH đã xác định công tác truyền thông về BHXH, BHYT là nhiệm vụ xuyên suốt, mang tính tổng hợp, toàn diện của cả hệ thống chính trị.

Vai trò của các cấp ủy, Đảng, chính quyền trong tuyên truyền và tổ chức thực hiện là yếu tố quan trọng, tạo tiền đề, động lực tư tưởng giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về BHXH, BHYT. Mặt khác, nhằm giúp cho các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội thấy rõ vai trò, trách nhiệm đối với việc tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT.

1.3.2.4. Vai trò của cơ quan Bảo hiểm xã hội

Là cơ quan Nhà nước thuộc Chính phủ, ngành BHXH được giao chức năng tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách BHXH, BHYT; tổ chức thu, chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp; quản lý và sử dụng các Quỹ: BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT; thanh tra chuyên ngành việc đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, BHYT theo quy định của pháp luật. Tại Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện BHYT giai đoạn 2016-2020, BHXH Việt Nam được giao chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ và chính quyền địa phương về việc mở rộng tỷ lệ bao phủ BHYT; tổ chức triển khai thực hiện; phát triển người tham gia BHYT.

Đây là một nhiệm vụ nặng nề đòi hỏi cơ quan BHXH phải hết sức nỗ lực thực hiện, tranh thủ sự chỉ đạo lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền các

cấp; phối hợp của các cơ quan, ngành, đoàn thể... bằng mọi biện pháp để mở rộng, phát triển người tham gia BHYT. Một vấn đề cần hết sức được quan tâm khi thực hiện lộ trình BHYT toàn dân đó là hiệu quả quản lý Nhà nước về BHYT ngày càng phải tốt hơn.

1.4. Kinh nghiệm thực hiện chính sách bảo hiểm y tế và bài học rút ra có thể áp dụng ở huyện Đắk Mil

1.4.1. Kinh nghiệm của một số địa phương

1.4.1.1. Kinh nghiệm thực hiện chính sách BHYT của tỉnh Bắc Ninh

Bên cạnh nhóm đối tượng BHYT bắt buộc, một trong những mục tiêu quan trọng của ngành BHYT Bắc Ninh là gia tăng số lượng người tham gia BHYT hộ gia đình. Theo thống kê của BHXH tỉnh Bắc Ninh, số người tham gia BHYT hộ gia đình toàn tỉnh chỉ đạt hơn 64.000 người, chiếm tỷ lệ gần 19% tổng số người trong diện tham gia BHYT hộ gia đình, chủ yếu tập trung vào những người mắc các bệnh mãn tính, bệnh có chi phí điều trị cao. Tỉnh đang có mục tiêu gia tăng BHYT hộ gia đình đối với đối tượng nông dân và người lao động tự do, nhằm đạt mục tiêu đạt số lượng người tham gia BHYT lên 95% vào cuối năm 2018 và hỗ trợ cho người nông dân và lao động tự do được hưởng chế độ BHYT, tuy nhiên, điều này hoàn toàn không dễ dàng.

Đa số nông dân tại Bắc Ninh mua BHYT nhưng sử dụng thẻ rất ít, khi KCB, họ thường khám dịch vụ để tiết kiệm thời gian do phải chờ đợi xử lý KCB BHYT quá lâu. Tâm lý chung của người dân nói chung và nông dân tỉnh này nói riêng mua BHYT chỉ để phòng khi có bệnh nan y. Tuy nhiên, thẻ BHYT hiện nay quy định chỉ được khám ở tuyến cơ sở, trong khi đó chất lượng KCB tuyến cơ sở kém khiến nhiều người không mặn mà sử dụng.

1.4.1.2. Kinh nghiệm thực hiện chính sách BHYT của tỉnh Phú Thọ

Sở Y tế tỉnh Phú Thọ phối hợp với BHXH tỉnh và các sở, ban, ngành trong tỉnh tham mưu cho Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban

nhân dân (UBND) ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện BHYT bao gồm: Kế hoạch thực hiện lộ trình BHYT toàn dân của tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, Kế hoạch đẩy mạnh thực hiện BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và BHYT hộ gia đình cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015 - 2020. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2362/QĐ-UBND năm 2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện “Đề án Thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân giai đoạn 2012 - 2015 và 2020”. Tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách cấp tỉnh thực hiện mua thẻ BHYT cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. BHXH tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền về chính sách BHYT của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, tăng cường công tác quản lý, đổi mới điều hành, kiện toàn tổ chức bộ máy BHXH các cấp, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống BHYT theo hướng phục vụ đảm bảo quyền lợi, giảm phiền hà cho người tham gia BHYT. Đồng thời, hướng dẫn quy định về quản lý thu, cấp và quản lý thẻ BHYT cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh theo hướng cải cách thủ tục hành chính thuận lợi nhất cho người tham gia BHYT. Sở LĐ-TB&XH hàng năm chỉ đạo công tác bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ cận nghèo mới thoát nghèo theo Quyết định 705/QĐ-TTg; hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình, lập danh sách chuyển cho cơ quan BHXH kịp thời để có cơ sở cấp, bán thẻ BHYT cho các đối tượng. Kết hợp với việc xây dựng và thực hiện tốt chương trình phối hợp giữa Sở LĐ-TB&XH và BHXH tỉnh về thực hiện chính sách pháp luật BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh.

1.4.1.3. Kinh nghiệm thực hiện chính sách BHYT của thành phố Cần Thơ Xác định công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia BHXH hộ gia đình và BHYT hộ gia đình là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thời

gian qua, các cấp Hội Nông dân trên địa bàn thành phố Cần Thơ đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của chính sách pháp luật này đến cán bộ, hội viên nông dân. Qua đó, giúp cán bộ, hội viên nông dân nâng cao nhận thức, tích cực tham gia và hưởng quyền lợi từ chính sách BHXH, BHYT, hướng tới mục tiêu BHXH cho mọi người lao động, BHYT toàn dân. Tính đến 31/12/2019, các cấp Hội Nông dân thành phố đã vận động được 80531/100650 hội viên nông dân tham gia BHYT; 761 hội viên tham gia BHXH hộ gia đình. Trong đó, các địa phương làm tốt trong công tác vận động người dân tham gia BHYT là: Hội Nông dân xã Trường Thắng (huyện Thới Lai) có 1180 hội viên tham gia, đạt tỷ lệ 100% hội viên; Hội Nông dân xã Vĩnh Bình (huyện Vĩnh Thạnh) có 972 hội viên tham gia, đạt tỷ lệ 100% hội viên. Qua tuyên truyền, vận động của các cấp, các ngành, đến nay, nhận thức của người dân về BHYT ngày một nâng lên, độ bao phủ BHYT cũng tăng theo tỷ lệ thuận.

Tuy nhiên, người tham gia BHYT vẫn chưa hài lòng trước thái độ phục vụ, chất lượng khám, chữa bệnh tại một số cơ sở y tế. Đại diện BHXH, Hội Nông dân và Sở Y tế thành phố Cần thơ đã giải đáp đầy đủ, thỏa đáng ý kiến, thắc mắc của cán bộ, hội viên nông dân tham gia hội nghị về các nội dung: cấp, đổi thẻ BHYT cho thân nhân người có công; tham gia BHYT hộ gia đình của học sinh; thời điểm áp dụng tham gia BHXH cho hộ gia đình có thu nhập thấp; việc giảm trừ đối với hộ gia đình tham gia BHXH mà có thành viên chưa cắt khâu; mức hưởng trợ cấp tuất của hình thức BHXH hộ gia đình. Bên cạnh đó, các cán bộ, hội viên sẽ trở thành tuyên truyền viên, góp phần lan tỏa chính sách ý nghĩa này tới toàn xã hội để ngày càng có nhiều người tham gia hơn.

Hội Nông dân thành phố Cần thơ tiếp tục chỉ đạo các cơ sở Hội tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền mở rộng đối tượng tham gia BHXH, BHYT.

Chủ động thông tin và nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nông dân, để có những giải pháp kịp thời, từng bước đưa chính sách và pháp luật BHXH, BHYT đi vào cuộc sống, góp phần hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

1.4.2. Bài học rút ra có thể áp dụng vào việc thực hiện chính sách BHYT ở huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- *Một là*, cần căn cứ vào sự chỉ đạo thống nhất của các ban, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương để các địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách BHYT đảm bảo thực hiện theo đúng yêu cầu, góp phần thực hiện BHYT toàn dân.

- *Hai là*, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHYT, như xây dựng kế hoạch riêng về công tác truyền thông, có sự phối hợp triển khai đảm bảo phù hợp với từng đối tượng. Hoạt động tuyên truyền phải thường xuyên, liên tục, đến đúng đối tượng với nhiều hình thức tiếp cận khác nhau, như trao đổi thông tin, tổ chức đối thoại trực tiếp, tuyên

truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc hoặc tư vấn cho người dân về BHYT, đảm bảo cho mọi đối tượng được tiếp cận đầy đủ thông tin về chính sách BHYT và cách thức tham gia.

- *Ba là*, có sự phân công phối hợp rõ ràng giữa các cơ quan chuyên môn và các tổ chức liên quan trong triển khai thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn nhằm đảm bảo thực hiện thành công chính sách BHYT.

- *Bốn là*, thường xuyên duy trì, điều chỉnh chính sách BHYT cho phù hợp với địa phương, chẳng hạn như có sự tính toán của cơ quan chuyên môn về mức độ hỗ trợ cần thiết từ Nhà nước cho nhóm hộ gia đình gồm phần lớn là lao động phi chính thức, nông dân (nghề nặng nhọc, nguy hiểm với thu nhập không ổn định) bởi đây là nhóm có tính thích ứng thấp với sự biến động

đi lên của mức đóng góp trừ khi có nguồn hỗ trợ khác (từ ngân sách hoặc chủ sử dụng lao động). Bài học cho thấy Nhà nước phải là nhà tài trợ chính nếu muốn duy trì chính sách BHYT một cách bền vững cho người dân ở khu vực phi chính thức.

- *Năm là*, theo dõi đôn đốc, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn cũng như triển khai tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm quá trình thực hiện chính sách BHYT theo định kỳ, hằng năm, hằng quý, hằng tháng nhằm chỉ ra các thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, rút kinh nghiệm cho quá trình này.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 của luận văn tập trung làm rõ cơ sở lý luận của chính sách BHYT và thực hiện chính sách BHYT, bao gồm các khái niệm về chính sách công, BHYT, ASXH... Vai trò của chính sách, mục tiêu, quy trình và nội dung nguyên tắc thực hiện chính sách BHYT, coi đó là công cụ cơ bản để định hướng phân tích nội dung.

Đồng thời, luận văn đã trình bày kinh nghiệm của một số địa phương như Bắc Ninh, Phú Thọ, Cần thơ trong thực hiện chính sách BHYT, rút ra bài học có thể áp dụng vào huyện Đắk Mil. Đây là cơ sở quan trọng để sử dụng trong quá trình phân tích, luận giải làm rõ thực trạng thực hiện chính sách BHYT ở Chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Đăk Mil ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách BHYT

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

Huyện Đăk Mil được thành lập năm 1936 bao gồm một phần của các huyện Krông Nô, huyện Cư Jút và huyện Đăk Song hiện nay. Đăk Mil có 10 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 9 xã, 01 thị trấn: Đăk Lao, Đăk N'Drót, Đăk Gắn, Đăk Săk, Đăk R'La, Đức Minh, Long Sơn, Đức Mạnh, Thuận An và thị trấn Đăk Mil.

Về vị trí địa lý, huyện Đăk Mil cách thành phố Gia Nghĩa 60 km theo dọc Quốc lộ 14, phía Bắc giáp huyện Cư Jút, phía Đông giáp huyện Krông Nô, phía Nam giáp huyện Đăk Song, phía Tây giáp tỉnh Modulkiri thuộc Vương quốc Campuchia.

Đăk Mil là huyện biên giới, có đường biên giới dài 46 km với Campuchia, cửa khẩu Đăk Per thông thương với nước bạn Campuchia, nằm trên trục quốc lộ 14 chạy dọc các tỉnh vùng Tây Nguyên, cách thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đăk Lăk) 60km về phía Tây nam, cách thành phố Hồ Chí Minh 350km. Ngoài ra Đăk Mil còn có quốc lộ 14C là tuyến giao thông quan trọng trong quốc phòng - an ninh, là tuyến giao thông quan trọng giao lưu kinh tế khu vực Tây Nguyên. Hai tuyến đường tỉnh lộ 683 và đường tỉnh lộ 682, thông qua các tuyến đường này, huyện Đăk Mil có thể kết nối với thành phố Gia Nghĩa là trung tâm KT-XH của tỉnh và các huyện Cư Jút, Đăk Song, Tuy Đức, Krông Nô trong tỉnh Đăk Nông.

Diện tích tự nhiên của huyện Đắk Mil là: 682.990 ha, chủ yếu là đất đỏ Ba Zan, thích hợp với cây cà phê, hồ tiêu và nhiều loại cây nông, công nghiệp khác (https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_Mil).

Đắk Mil là khu vực chuyển tiếp giữa hai tiểu vùng khí hậu Đắk Lắk và Đắk Nông, chế độ khí hậu mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhưng có sự nâng lên của địa hình nên có đặc trưng của khí hậu cao nguyên nhiệt đới ẩm, trong năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến hết tháng 11, tập trung trên 90% lượng mưa cả năm; mùa khô từ tháng 12 đến hết tháng 3 năm sau, lượng mưa không đáng kể. Nhiệt độ trung bình 23.4 °C, độ ẩm không khí bình quân năm là 85%, điều kiện khí hậu nói trên thích hợp với nhiều loại cây trồng vật nuôi vùng nhiệt đới có giá trị cao (https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_Mil).

Tuy nhiên, cũng như các vùng khác của Tây Nguyên, điều bất lợi cơ bản về khí hậu là sự mất cân đối về lượng mưa trong năm và sự biến động lớn về biên độ nhiệt ngày đêm và theo mùa, nên yếu tố quyết định đến sản xuất và sinh hoạt là việc cấp nước, giữ nước và việc bố trí mùa vụ cây trồng (https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_Mil).

Đắk Mil là huyện không những là cầu nối giữa các huyện trong địa bàn tỉnh Đắk Nông mà còn là điểm giao lưu giữa các tỉnh vùng Tây Nguyên và còn là cầu nối với nước bạn Campuchia.

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Đặc điểm kinh tế

Sau 35 năm tiến hành công cuộc Đổi mới, cùng với các địa phương khác trong cả nước tình hình kinh tế - xã hội của huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông đã có những chuyển biến tích cực. Nền kinh tế có mức tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá; đời sống vật chất tinh thần giữa các vùng đã có sự chuyển biến theo

hướng tiên bộ, nạn đói được đẩy lùi; sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế đều có sự phát triển rõ rệt. Trong giai đoạn 2017 - 2020, kinh tế - xã hội của huyện Đắk Mil tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 8,6%/năm; trong đó nông, lâm nghiệp tăng 7%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 7%; dịch vụ tăng 23%. Cùng với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đưa các giống mới có năng suất cao vào sản xuất, bình quân hàng năm sản lượng lương thực đạt 17.000 tấn. Đảng bộ và chính quyền huyện cũng chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, dự án đầu tư nhằm đẩy mạnh phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc như Chương trình mục tiêu quốc gia 134, 135; tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng; thực hiện xoá đói giảm nghèo, nhờ vậy số hộ nghèo trên địa bàn huyện giảm đáng kể. Cùng với sự phát triển kinh tế của tỉnh Đắk Nông, huyện Đắk Mil đã có nhiều chuyển biến tích cực, phù hợp với xu hướng phát triển của tỉnh và cả nước. Bao gồm nhiều thành phần sở hữu, trong đó kinh tế tư nhân ngày càng phát triển và đầu tư nước ngoài đang được khuyến khích đầu tư trên mọi lĩnh vực (https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_Mil).

Giai đoạn 2015-2020, tăng trưởng bình quân tổng giá trị gia tăng của 3 khối ngành kinh tế (Công nghiệp - xây dựng, Nông - lâm - thủy sản và Dịch vụ) của huyện khá cao, đạt trên 11.77%/năm, cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng ngày càng giảm tỉ lệ giá trị sản xuất nông nghiệp tuy nhiên còn chậm, cụ thể đến năm 2013 cơ cấu kinh tế các ngành (Công nghiệp - xây dựng, Nông - lâm - thủy sản và Dịch vụ) lần lượt là: 15.98% - 50.68% - 25.91%. Tốc độ phát triển nhanh về kinh tế tạo điều kiện thuận lợi để phát triển số lượng doanh nghiệp, lao động... là nguồn lực tiềm năng tham gia BHYT, thu nhập bình quân đầu người tính năm 2020 là 48.8 triệu đồng/người.

2.1.2.1. Đặc điểm xã hội

Dân số trung bình huyện Đăk Mil là 101.497 người, mật độ dân số trung bình 125 người/km²; so với tỉnh Đăk Nông, huyện Đăk Mil là một trong những huyện có mật độ dân số khá cao.

Thành phần dân tộc của huyện Đăk Mil khá đa dạng: có tới 19 dân tộc, người kinh có 14.314 hộ/64.474 nhân khẩu (chiếm 80,08%) dân số toàn huyện, dân tộc thiểu số tại chỗ có 1.346 hộ/7.135 khẩu (chiếm 8,6%) chủ yếu là dân tộc M'ông, còn lại là dân tộc Ê đê (4 hộ/31 khẩu) và Mạ (1 hộ/khẩu), dân tộc thiểu số khác 2.037 hộ/9.400 khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số có nguồn gốc từ các tỉnh miền núi phía Bắc như: Tày, Nùng, Dao, H'mông... Tôn giáo: trên địa bàn huyện hiện nay có 3 tôn giáo chính: Công giáo, Phật giáo và Tin lành. Tổng số tín đồ: 48.297 khẩu, chiếm 57% dân số toàn huyện. Trong đó: Công giáo: 38.045 khẩu, Phật giáo: 3.111 khẩu, Tin lành: 7.141 khẩu. Số người trong độ tuổi lao động 55.310 người, trong đó, 43.589 người có việc làm, 11.721 người không có việc làm thường xuyên (https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_Mil).

Theo số liệu thống kê của huyện, dân số năm 2018 là 99.103 người đến năm 2020 tăng lên 101.497 người, giai đoạn 2018-2020, dân số của huyện tăng hơn 1.000 người. Lực lượng lao động của huyện có chiều hướng gia tăng, giai đoạn 2017- 2020, nguồn lao động tăng từ 60.416 người năm 2020 lên 65.486 người (tăng 5.000 người), tỷ lệ người trong độ tuổi lao động chưa có việc làm tăng đáng kể. Năm 2017, lao động nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 50% tổng số lao động có việc làm, lao động công nghiệp - xây dựng chiếm 17% và lao động thương mại - dịch vụ chiếm 33%.

Lao động trong khu vực kinh tế quốc doanh giảm mạnh do các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện sắp xếp lại sản xuất kinh doanh. Lao động trong khu vực kinh tế dân doanh tăng cao, nhất là tăng trong ngành công nghiệp

xây dựng, ngành thương mại dịch vụ còn ngành nông - lâm - thủy sản tăng về số lượng nhưng giảm về tỷ lệ, đồng thời lao động trong khu vực hành chính - sự nghiệp cũng tăng nhanh. Chất lượng lao động đang làm việc có trình độ chuyên môn kỹ thuật tuy cao hơn các huyện khác trong tỉnh nhưng cơ cấu, trình độ chưa phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển KT-XH. Việc làm là nhu cầu bức thiết của người lao động, để tạo công ăn việc làm cho người lao động đối với huyện Đắk Mil, xu thế chung là đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu lao động của Trung tâm cụm công nghiệp trên địa bàn. Đồng thời hình thành các khu du lịch, các cụm thương mại - dịch vụ để thu hút lao động.

Cùng với sự phát triển của xã hội, tình hình giáo dục và đào tạo của huyện Đắk Mil cũng đã có những bước phát triển. Trình độ học vấn của người dân ngày càng cao, chủ trương xã hội hoá giáo dục, xây dựng xã hội học tập cộng đồng, phong trào khuyến học, khuyến tài được toàn xã hội quan tâm đã đem lại những hiệu quả thiết thực. Đắk Mil là huyện có vị trí quan trọng về kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng an ninh của tỉnh Đắk Nông, nhân dân trong huyện giàu truyền thống yêu nước, có tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc anh em, nhân dân Đắk Mil nhất định sẽ vượt mọi khó khăn, xây dựng huyện ngày càng giàu về kinh tế, tiến bộ về xã hội, mạnh về chính trị, vững về an ninh - quốc phòng, góp phần xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2.2. Thực trạng công tác thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil

2.2.1. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách BHYT

Sau khi Luật BHYT năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT được ban hành, qua nhiều lần thay đổi chính sách đến nay hệ thống văn bản pháp luật hiện hành được áp dụng là Nghị định số

146/2018/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT do Chính phủ ban hành ngày 17/10/2018, Thông tư số 39/TT-BYT quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp do Bộ Y tế ban hành ngày 30/11/2018. Tiếp đó, BHXH Việt Nam đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách BHYT.

Tại Đắk Mil, UBND huyện cũng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện chính sách BHYT, cụ thể như: Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 14/11/2013 về triển khai Chương trình hành động số 24/CTr-TU ngày 03/5/2013, Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 21-NQ/TW; Quyết định số 976/QĐ-UBND, ngày 18/11/2013 về việc Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ sức khỏe và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hàng năm, UBND huyện ban hành quyết định giao chỉ tiêu bao phủ BHYT cho từng xã, thị trấn. Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, UBND 10 xã, thị trấn phối hợp với BHXH huyện tổ chức các hoạt động tuyên truyền Luật BHYT cho nhân dân. UBND huyện đã ban hành Công văn số 1213/UBND-BHXH ngày 11/8/2020 về việc đẩy mạnh công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, thu BHYT học sinh năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo nhằm chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho từng phòng ban và cơ quan liên quan phối hợp tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT. Các văn bản trên đã tạo thuận lợi cho BHXH huyện trong công tác thực hiện chính sách BHYT trong thời gian qua. Như vậy, việc tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước bằng cách tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về chính sách BHYT đã mang lại hiệu quả và nhận được đánh giá tích cực trong công tác thực thi chính sách BHYT.

Bảng 2.1. Tổng hợp các văn bản tổ chức thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil giai đoạn 2015-2020

Đvt: Văn bản

Nội dung	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Văn bản chỉ đạo	05	07	08	11	13	15
Quy chế phối hợp; hướng dẫn liên ngành...	03	05	06	07	08	08

Nguồn: BHXH huyện Đắk Mil, 2021

Thời gian qua, để thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn có hiệu quả, huyện Đắk Mil đã xây dựng nhiều kế hoạch như: Kế hoạch về tổ chức, điều hành; Kế hoạch cung cấp các nguồn vật lực; Kế hoạch thời gian triển khai thực hiện; Kế hoạch kiểm tra, đôn đốc thực hiện chính sách...

+Ban hành một số nội quy, quy chế về tổ chức, điều hành; về trách nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ, công chức và các cơ quan Nhà nước tham gia: tổ chức điều hành chính sách BHYT; về các biện pháp khen thưởng, kỷ luật cá nhân, tập thể trong tổ chức thực thi chính sách BHYT, ...

+Xây dựng kế hoạch thực hiện ở cấp nào do lãnh đạo cấp đó xem xét thông qua. Sau khi được quyết định thông qua, kế hoạch thực hiện chính sách BHYT mang giá trị pháp lý, được mọi người chấp hành thực hiện. Việc điều chỉnh kế hoạch cũng do cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch quyết định.

2.2.2. Phổ biến, tuyên truyền chính sách BHYT

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách BHYT đối với người dân trên địa bàn đã trở thành nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ, chính quyền huyện Đắk Mil. Chính vì vậy, chính sách BHYT được các cấp ủy, đảng, chính quyền, hội đoàn thể quan tâm, chú trọng, thực hiện chính sách đầy đủ. Công

tác tuyên truyền chính sách BHYT được thực hiện theo nhiều cách, như tuyên truyền thông qua các Hội nghị, họp giao ban từ cấp huyện đến cấp xã; tập

huấn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý thực hiện chính sách BHYT của huyện, của xã, tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh, tuyên truyền lưu động, treo băng rôn, phát tờ gấp những điều cần biết về BHYT,...

Bảng 2.2. Tổng hợp các hình thức phổ biến, tuyên truyền chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đăk Mil giai đoạn 2015-2020

Nội dung	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Đơn vị tính
Tuyên truyền trực tiếp: đối thoại, lồng ghép...	24	36	40	44	48	60	<i>Cuộc</i>
Tuyên truyền trực quan: Maket, băng rôn, pano...	36	48	55	60	45	55	<i>Cái</i>
Tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh cơ sở	800	1.000	1.250	1.300	1.380	1.440	<i>Lần</i>

Nguồn: BHXH huyện Đăk Mil, 2021

Để chế độ, chính sách, pháp luật BHYT được truyền tải đến với mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt và hiểu biết. Các phòng ban và cơ quan chuyên môn thực hiện chính sách BHYT đã tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp với nhân dân để tuyên truyền, giải thích thắc mắc một cách kịp thời, thỏa đáng. Ngoài ra, chính sách BHYT cũng được các hội, đoàn thể quan tâm, chia sẻ. Đặc biệt tại các buổi sinh hoạt của Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Các thông tin về chính sách BHYT cũng được đăng tải trên trang thông tin của UBND huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện, trên hệ thống loa phát thanh của các xã, thị trấn,... góp phần truyền tải được các nội dung về chế độ, chính sách BHYT đến với nhân dân trên địa bàn huyện. Công tác tuyên truyền thời gian qua trên địa bàn huyện đạt được kết quả cao, là nhờ công tác tuyên truyền về chính sách BHYT bằng nhiều kênh, góp phần giúp người dân hiểu,

nắm và nhận thức đầy đủ hơn về ý nghĩa nhân văn, tầm quan trọng của chính sách BHYT.

2.2.3. Phân công, phối hợp thực hiện chính sách BHYT

Công tác tổ chức thực hiện chính sách BHYT được cấp ủy, Đảng, chính quyền địa phương, mặt trận và các hội, đoàn thể quan tâm, thường xuyên xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng và chất lượng để cơ bản đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ ngành, cấp trên giao. Đến nay đội ngũ cán bộ thực hiện công tác trong lĩnh vực BHYT ở huyện Đăk Mil, cơ bản bố trí đầy đủ, cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm làm công tác xã hội, được tu dưỡng rèn luyện đạo đức, hiểu, nắm bắt địa bàn, nhiệt huyết, tận tâm với công việc. Nhằm giúp đỡ, hỗ trợ tốt nhất cho người dân từ cách thức kê khai, tư vấn, hướng dẫn điều chỉnh sai sót thông tin BHYT, xin cấp, in lại thẻ BHYT do mất, hỏng. Hệ thống tổ chức bộ máy được phân công, phân cấp rõ ràng:

- Ở cấp xã, UBND xã chịu trách nhiệm về quản lý Nhà nước đối với việc thực hiện chính sách BHYT. Bộ phận tham mưu trực tiếp thực hiện là cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch và Văn hóa - Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý và lập danh sách tăng, giảm người tham gia

BHYT. Hiện có 20 cán bộ (một xã 02 người) thực hiện công tác BHYT, đội ngũ cán bộ này có trình độ từ cao đẳng trở lên.

- Ở cấp huyện, UBND huyện chịu trách nhiệm về quản lý Nhà nước đối với việc thực hiện chính sách BHYT của toàn huyện. Cơ quan chuyên môn giúp việc là Phòng Dân tộc và Phòng LĐ-TB&XH huyện chịu trách nhiệm tham mưu, quản lý, theo dõi và tổng hợp danh sách tham gia BHYT cho các

nhóm đối tượng; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư hạ tầng cơ sở, mua sắm trang thiết bị y tế để từng bước đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân; Trung tâm y tế huyện có trách nhiệm tổ

chức khám chữa bệnh; Cơ quan BHXH huyện có trách nhiệm quản lý dữ liệu cập nhật phát sinh và in thẻ BHYT. Đến nay, công tác tổ chức cán bộ, tổ chức bộ máy thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil đã ổn định, hoạt động xuyên suốt, có hiệu quả cao đáp ứng sự hài lòng của người tham gia BHYT.

2.2.4. Duy trì, điều chỉnh chính sách BHYT

Nhằm đảm bảo quyền lợi BHYT cho người tham gia, duy trì và tăng số người tham gia BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil cơ quan BHXH huyện đã chủ động tham mưu lãnh đạo các cấp ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể của huyện đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật BHYT tới người dân nhằm đảm bảo quyền lợi, CSSK cho nhân dân và chỉ tiêu giao của ngành, cấp trên.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các Quyết định của Chính phủ đối với chính sách BHYT đối với người đồng bào DTTS ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện BHYT tại địa phương. Theo Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện BHYT giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ huyện Đắk Mil chỉ còn 4 xã khó khăn (năm 2016 là 06 xã) và 5 Bon đặc biệt khó khăn (năm 2016 là 02 xã). So với cuối năm 2016, năm 2017 toàn huyện giảm 13.743 thẻ BHYT. Để giữ vững tỷ lệ bao phủ BHYT đã đạt được trên địa bàn huyện, cơ quan BHXH đã phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, ngành, các cơ quan truyền thông, phát huy hiệu quả của hình thức tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh xã, thị trấn. Bên cạnh đó, các hình thức tuyên truyền thông qua mạng xã hội, zalo, facebook,... được đẩy mạnh và gắn trách nhiệm với mỗi cán bộ, viên chức ngành BHXH.

Tích cực huy động các nguồn lực nhằm hỗ trợ thẻ BHYT cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn; ngành Y tế cũng đã chủ động nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế nhằm tạo niềm tin cho người bệnh nói chung, bệnh nhân có thẻ BHYT nói riêng. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương đã phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng đối với chính sách BHYT toàn dân với việc giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cấp với nhiệm vụ trọng tâm bù đắp lại khoảng trống mà Quyết định số 582 tạo ra. Mặc dù nhiều giải pháp được đưa ra nhưng do số lượng giảm thẻ nhiều trong khi số người tham gia lại là rất ít việc này ảnh hưởng tới chính sách BHYT, ASXH của địa phương.

2.2.5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách BHYT

Công tác kiểm tra được triển khai một cách thường xuyên, việc tổ chức thực hiện được xây dựng ngay từ đầu năm, luôn được các cấp lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, sát sao. Công tác kiểm tra cũng được thực hiện theo nhiều cách như kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế tình hình triển khai thực hiện của các địa phương hoặc đối chiếu danh sách của các địa phương gửi về theo quý, 6 tháng một lần hoặc đột xuất; kiểm tra mức độ hiểu biết, nắm các văn bản quy định chính sách pháp luật BHYT của cán bộ cơ sở. Qua công tác kiểm tra tình hình thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện, theo ghi nhận qua trao đổi, gặp gỡ phần đông người tham gia BHYT rất phấn khởi được chăm sóc sức khỏe chu đáo, giảm thiểu chi phí khám chữa bệnh như trước khi chưa có thẻ BHYT.

Đối với cán bộ làm công tác LĐ-TB&XH là dịp để học tập, nâng cao trình độ và hạn chế những tồn tại, sai sót. Chính sách BHYT có tác động tích cực đến sự phát triển KT-XH và là cơ sở để địa phương định hướng chiến lược trong trung hạn và dài hạn. Có nhiều đối tượng chính sách thuộc diện được Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT như: trẻ em dưới 6 tuổi, người

thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội,... Việc thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá không những giúp các cấp, các ngành và đội ngũ thực hiện chính sách BHYT của huyện Đắk Mil đánh giá được hiệu quả tác động của chính sách, thấy được những thiếu sót về thực hiện chính sách BHYT để kịp thời sửa chữa và còn thấy được những điểm tích cực, hạn chế trong các văn bản hướng dẫn, cách thức tổ chức thực hiện để phát huy hay khắc phục, thay đổi phương thức, rút kinh nghiệm, ... để đạt hiệu quả cao hơn.

Nhìn chung, công tác tổ chức kiểm tra chính sách BHYT tại huyện Đắk Mil chưa được thường xuyên, nội dung kiểm tra thường chỉ tập trung vào tính liệt kê, tổng hợp, chưa đi sâu vào đánh giá hiệu quả, tác động của chính sách. Việc đánh giá còn mang tính chung chung, chủ quan, chưa có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể về công tác rà soát, lập danh sách cấp thẻ BHYT. Theo chức năng nhiệm vụ của mỗi ngành, hàng năm BHXH huyện Đắk Mil, Phòng LĐ-TB&XH huyện Đắk Mil và Phòng Y tế huyện Đắk Mil đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát về việc thực hiện chính sách BHYT tại các xã và CSSK của Trạm y tế xã, thị trấn. Tuy nhiên, việc kiểm tra thường chỉ tập trung làm việc với chính quyền địa phương để nắm tình hình lập danh sách cấp phát thẻ mà chưa trực tiếp làm việc để lắng nghe ý kiến phản hồi từ nhân dân, những khó khăn trong KCB của cơ sở y tế, vấn đề cấp thẻ BHYT của các ngành. Cụ thể:

- Phòng LĐ-TB&XH huyện Đắk Mil tổ chức kiểm tra công tác rà soát, lập danh sách đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT. Việc đánh giá sau kiểm tra, chất lượng không cao, đánh giá chung chung. Nhiều cuộc kiểm tra chưa đánh giá đầy đủ các chi phí phát sinh ngoài, do thông tin trên thẻ BHYT sai lệch, khi KCB, vấn đề xin cấp đổi lại thẻ BHYT có phức tạp, khó khăn không? Cơ quan nào sẽ hướng dẫn, xác

nhận, in cấp lại thẻ BHYT? Thủ tục hồ sơ đề nghị điều chỉnh, thay đổi thông tin thẻ BHYT cần đem theo những giấy tờ gì làm căn cứ? Ở một số xã, công tác kiểm tra được tổ chức nhiều đợt, song việc rút kinh nghiệm còn chậm, đôi khi không thực hiện dẫn đến năm nào cũng có tình trạng danh sách trùng lặp, sai đối tượng. Chưa có chế tài để xử lý đối với các cơ quan, địa phương không chấp hành nghiêm kết luận sau kiểm tra.

2.2.6. Tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện chính sách BHYT

Hằng năm, UBND huyện căn cứ quyết định, kế hoạch giao từ đầu năm cho UBND các xã/thị trấn, định kỳ hàng quý, 6 tháng sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả, việc thực hiện chính sách BHYT của từng địa phương từ đó đưa ra các giải pháp, kinh nghiệm, sáng kiến, cách làm hay để các xã trao đổi, học hỏi lẫn nhau. Đồng thời, đánh giá sự phối hợp thực hiện chính sách BHYT giữa cơ quan BHXH với các phòng, ban, ngành, hội đoàn thể, UBND các xã, thị trấn trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ địa phương trong việc thực hiện chính sách BHYT và vai trò, chức năng của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội trong việc tham gia thực hiện chính sách BHYT. Thực hiện các quyết định, kế hoạch UBND huyện giao, UBND các xã bằng nhiều giải pháp đã ban hành các quyết định, kế hoạch phân công, phân nhiệm, giao chỉ tiêu cho các hội đoàn thể, thành lập các tổ vận động để thực hiện các tiêu chí Nông thôn mới cũng như đảm bảo ASXH của địa phương.

Người tham gia BHYT được đảm bảo quyền lợi, nhận thức được tầm quan trọng của thẻ BHYT trong KCB tạo điều kiện thuận lợi, đồng thuận trong công tác tuyên truyền góp phần đưa chính sách BHYT sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân. Song, trong quá trình thực hiện chính sách của các xã còn bất cập, không đồng bộ một số xã đối tượng được NSNN cấp, thụ hưởng chính sách BHYT nên chính quyền địa phương thờ ơ, thiếu tuyên truyền khi

chính sách bị cắt, giảm thì việc vận động người dân tham gia BHYT lại là rất khó khăn.

2.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil

2.3.1. Yếu tố bên trong

2.3.1.1. Nhận thức về chính sách và thực hiện chính sách BHYT

Cùng với sự phát triển về chính sách BHYT và sự vào cuộc của các cấp, các ngành, chất lượng công tác truyền thông ngày càng được nâng cao cũng đã giúp cho một bộ phận người dân có nhận thức đúng đắn về tính ưu việt của chính sách BHYT từ đó tự nguyện tham gia, đồng thời vận động người thân và gia đình tham gia BHYT.

Với nhiều thay đổi trong chính sách BHYT, người dân đã có sự quan tâm nhiều hơn đến việc khám chữa bệnh. Tuy nhiên, từ chỗ quan tâm đến việc chấp nhận bỏ tiền ra mua để được hưởng quyền lợi khi đi khám chữa bệnh hiện vẫn còn nhiều vấn đề cần quan tâm. Tìm hiểu thực tế ở nhiều nơi, có thể nhận thấy một đặc điểm chung khá phổ biến đó là: người dân đều có quan tâm nhưng lại thiếu tin tưởng để quyết định bỏ tiền ra tham gia BHYT. Họ cũng nhận thấy việc mua BHYT là cần thiết, phòng khi đau ốm, bệnh tật. Nhưng cũng còn nhiều băn khoăn về thủ tục đăng ký mua BHYT còn khó thực hiện, không biết chất lượng khám chữa bệnh ra sao? phải mất nhiều thời gian chờ đợi và nhiều người cho rằng thuốc của BHYT là thuốc không tốt... Những vướng mắc như trên dẫn đến sự thiếu tin tưởng của người dân với chính sách BHYT.

Trên thực tế, một số chính sách BHYT chưa thật sự đi vào lòng dân, chưa làm thay đổi nhận thức của người dân, để họ thấy việc tham gia BHYT là lợi ích của chính mình chứ không phải là nghĩa vụ. Trong khi các ngành chức năng chưa tăng cường tuyên truyền, vận động sâu rộng trong nhân dân,

giúp họ hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc tham gia BHYT; công tác thanh tra, kiểm tra, công khai, minh bạch chưa được đẩy mạnh nhằm bảo đảm tốt nhất quyền lợi của người tham gia BHYT cũng như kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng chính sách BHYT để trục lợi cá nhân, đơn vị góp phần từng bước tạo dựng niềm tin trong nhân dân.

2.3.1.2. Thu nhập của người dân

Thu nhập của người dân là một yếu tố hết sức quan trọng đến việc tham gia BHYT, nhất là việc cả hộ gia đình tham gia. Với mức phí hiện nay, giả sử hộ gia đình có 4 người tham gia BHYT, số tiền phải đóng là 2.252.880 đồng/năm, như vậy mỗi ngày tiết kiệm khoảng 6.000 đồng thì cả gia đình sẽ có thẻ BHYT chăm sóc sức khỏe cả năm; trong khi đó nếu không may bị ốm đau sẽ được Nhà nước chi trả phần lớn số tiền khám chữa bệnh. Đây là một phép tính luôn được các nhân viên đại lý, cán bộ tuyên truyền BHYT đưa ra so sánh.

Tuy nhiên, con số này cũng làm cho một bộ phận người dân có mức sống trung bình “giáp ranh” với người thuộc hộ cận nghèo còn băn khoăn, mặc dù có chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Thực tế cho thấy, công tác phát triển người tham gia BHYT tại khu vực thị trấn với dân cư có thu nhập khá ổn định được thực hiện tốt hơn, người dân đã tự giác tìm hiểu mua thẻ BHYT. Nhóm người tham gia BHYT hộ gia đình chiếm tỷ lệ (30%) dân số toàn huyện tập trung ở thị trấn Đăk Mil, các xã nơi có mức sống khá. Chủ yếu là hộ khá, điều này cho thấy nhân tố thu nhập của hộ gia đình có thể là nhân tố tác động đến sự thực hiện chính sách BHYT của Nhà nước. Kết quả từ các báo cáo giám sát, kiểm tra, đánh giá thực hiện chính sách BHYT, BHXH cũng có thể tham khảo để đánh giá, chứng minh kết quả và những hạn chế.

Huyện Đăk Mil với 140 thôn, bon, buôn, tổ dân phố trải rộng trên 10 xã, thị trấn, theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng

Chính phủ huyện chỉ còn 4 xã khó khăn (năm 2016 là 06 xã) và 5 Bon đặc biệt khó khăn (năm 2016 là 02 xã). So với cuối năm 2016, năm 2017 toàn huyện giảm 13.743 người thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH khó khăn và vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Việc vận động đối tượng người dân tộc thiểu số không còn được ngân sách Nhà nước đóng BHYT do chuyển vùng là rất khó khăn, vì từ lâu họ đã được thụ hưởng chính sách cấp thẻ BHYT miễn phí, việc này đã ăn sâu vào nhận thức của họ. Hơn nữa đời sống kinh tế của người đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn nên không có điều kiện tham gia BHYT cho các thành viên trong gia đình.

2.3.2. Yếu tố bên ngoài

2.3.2.1. Chính sách BHYT về viện phí và hỗ trợ của Nhà nước

Nhằm bảo đảm quyền lợi cho người có thẻ BHYT, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, ngày 29/10/2015 Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 37/2015TTLT-BYT-BTC, về việc quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc. Theo đó, từ ngày 1/3/2016, giá của 1.887 dịch vụ thanh toán từ Quỹ BHYT được điều chỉnh theo hướng tăng do tính thêm chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù vào cơ cấu giá. Quyền lợi của người bệnh sẽ tăng lên, không phải chi trả thêm hoặc tự mua một số loại vật tư, hóa chất, thuốc mà trước đây chưa tính vào giá. Từ ngày 01/6/2017, theo Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế tiền lương sẽ được tính thêm vào giá viện phí, ước tính mức giá tăng bình quân 20% - 40%, người không có thẻ BHYT cũng áp dụng theo mức giá quy định tại Thông tư này. Như vậy, nếu người không có thẻ BHYT không may ốm đau phải điều trị thì số tiền chi trả tăng cao, thực sự là gánh nặng tài chính, là “bẫy nghèo” đối với gia đình. Với lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế như hiện nay, vấn đề quan trọng nhất

là đẩy nhanh độ bao phủ của BHYT để bệnh nhân không phải nặng gánh chi trả thêm.

Hiện nay, so với khung viện phí hiện hành, nếu tự chi trả thì người dân có mức thu nhập trung bình chắc chắn gặp khó khăn trong trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh mạn tính điều trị lâu dài. Đặc biệt, việc điều chỉnh giá cũng là để thực hiện điều chuyển ngân sách Nhà nước cấp cho bệnh viện sang hỗ trợ người dân tham gia BHYT để thực hiện mục tiêu bao phủ 100% BHYT. Người dân khi tham gia BHYT không may bị ốm đau sẽ được thanh toán cơ bản chi phí khám, chữa bệnh, giảm chi từ tiền túi. Trước đây do giá viện phí chưa được tính đúng, tính đủ nên người bệnh BHYT còn phải trả một số khoản chi phí mà chưa kết cấu trong giá, do vậy mặc dù có BHYT nhưng người bệnh vẫn phải một phần bỏ tiền túi làm ảnh hưởng đến tâm lý khi sử dụng thẻ BHYT trong khám bệnh, chữa bệnh. Đây là một bước đột phá và là một trong các khâu của quá trình đổi mới cơ chế tài chính y tế đó là tạo ra sự công bằng trong việc đưa ra mức thu viện phí giữa các bệnh viện cùng hạng với nhau trên địa bàn cả nước, thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế tạo tiền đề cho các cơ sở khám chữa bệnh dần dần chuyển sang cơ chế tự chủ, tạo ra sự cạnh tranh trong khám chữa bệnh, góp phần thúc đẩy các cơ sở y tế nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

Điều 4 Luật BHYT 25/2008/QH12 quy định: “Nhà nước đóng hoặc hỗ trợ tiền đóng BHYT cho người có công với cách mạng và một số nhóm đối tượng xã hội” - đây là nội dung tác động nhiều đến việc mở rộng bao phủ BHYT. Chính sách của Nhà nước về đóng và hỗ trợ mức đóng BHYT cho người dân ở một số nhóm đối tượng có tác động lớn đến việc người dân được tham gia BHYT, nhất là đối với những vùng nông thôn; vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; người nghèo; người hưởng chính sách bảo trợ xã hội,... hoặc năm 2016 nhóm đối tượng người thuộc hộ gia

đình nghèo, cận nghèo có xu hướng tăng do tăng mức chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 trên phạm vi toàn quốc của Bộ LĐ-TB&XH.

Hoặc qua khảo sát cho thấy việc thay đổi đối tượng được trợ cấp chi phí là ĐBDDTS làm cho đối tượng này không còn trong danh sách tham gia BHYT. Những hợp lý và chưa hợp lý của chính sách đối với đối tượng là ĐBDDTS là những vấn đề có ý nghĩa thực tiễn và lý luận cần được quan tâm.

Tuy nhiên, những chính sách này không làm duy trì sự ổn định, bền vững của diện bao phủ BHYT trong từng địa phương, do các chính sách thực hiện theo từng giai đoạn. Nếu giai đoạn sau có sự điều chỉnh về tiêu chí về chuẩn nghèo, về các vùng KT-XH thì người tham gia BHYT sẽ tăng hoặc giảm tương ứng.

2.3.2.2. Chất lượng khám chữa bệnh BHYT

Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của y tế tư nhân và việc đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, nhất là trong khoảng hơn 5 năm trở lại đây đã tạo ra sự phát triển về các dịch vụ kỹ thuật tiên tiến kể cả tuyến Trung ương và tuyến y tế cơ sở, nhiều cơ sở tuyến dưới đã thực hiện được dịch vụ kỹ thuật vượt tuyến. Bộ Y tế đã xây dựng nhiều đề án nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh: đề án “Cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên hỗ trợ bệnh viện tuyến dưới nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh”; đề án “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng người bệnh”. Cùng với sự đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh; các biện pháp nhằm giảm quá tải bệnh viện... đã thực sự tạo ra một bộ mặt mới cho ngành y tế.

Mỗi người dân nói chung, người có thẻ BHYT nói riêng khi đi KCB đã có nhiều lựa chọn cho mình một nơi phù hợp nhất và đặt niềm tin vào các cơ sở khám chữa bệnh mà mình lựa chọn. Nguồn thu của các bệnh viện từ Quỹ

BHYT ngày càng tăng lên, với tỷ lệ chung các bệnh viện trên cả nước là khoảng 70% số thu từ BHYT, nhất là các bệnh viện tuyến huyện trên địa bàn tỉnh số thu viện phí từ Quỹ BHYT chiếm trên 90% điều đó càng tạo cho các bệnh viện bắt buộc phải tạo sự công bằng trong khám chữa bệnh giữa BHYT và không có BHYT. Tuy nhiên, trong những năm qua còn có một số yếu tố về chất lượng KCB làm ảnh hưởng đến tâm lý người dân chưa mặn mà với chính sách BHYT:

Một là, về thủ tục trong khám chữa bệnh. Do việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, vì vậy người bệnh khi đi khám chữa bệnh phải xuất trình một số thủ tục để được hưởng BHYT như: thẻ BHYT, giấy tờ tùy thân có ảnh hợp lệ, giấy giới thiệu chuyển viện, giấy xác nhận miễn cùng chi trả... trong khi các loại giấy tờ vẫn còn có sai sót, thông tin không khớp. Hoặc nhiều bệnh nhân không biết xuất trình thẻ khi đi KCB để được hưởng BHYT.

Hai là, tình trạng quá tải trong các cơ sở KCB: xếp hàng lâu khi khám bệnh, nằm ghép khi điều trị nội trú nhất là tại các bệnh viện từ tuyến tỉnh trở lên.

Ba là, tại hầu hết các bệnh viện đều có mở các phòng khám dịch vụ với mức thu cao, thủ tục nhanh gọn cùng với hàng loạt các dịch vụ phòng điều trị theo yêu cầu, tự chọn thầy thuốc, tự chọn dịch vụ kỹ thuật, sử dụng thuốc của các hãng tiếp thị nhưng chưa có trong danh mục của Bộ Y tế người bệnh phải trả số tiền rất lớn... đã tạo tâm lý hiểu nhầm cho người có thẻ BHYT là có sự phân biệt đối xử trong KCB giữa BHYT và không có BHYT.

Bốn là, hệ thống y tế cơ sở tuyến xã còn rất nghèo nàn từ cơ sở vật chất cũng như nguồn nhân lực. Phát huy những mặt tích cực đã và đang được các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện, giảm những mặt hạn chế như trên sẽ tạo niềm tin cho người tham gia BHYT khi đi KCB. Từ đó, sẽ có tác động lớn

trong công tác truyền thông từ chính những người đã được khám chữa bệnh với cộng đồng, tạo ra thói quen tự giác tham gia BHYT của người dân.

2.3.2.3. Công tác truyền thông

Trong thời gian qua, thông qua các cơ quan truyền thông báo chí, công tác truyền thông về BHYT được tiến hành mạnh mẽ với độ bao phủ rộng khắp, tần suất tăng. Hình thức tuyên truyền được thể hiện phong phú, nội dung tuyên truyền đảm bảo đúng trọng tâm, trọng điểm về những điểm mới của Luật BHYT dự báo tác động đến quyền lợi, tâm lý của người lao động và người sử dụng lao động. Thông qua các kênh thông tin của báo chí, đã phát hiện những khó khăn, trở ngại, những cách làm hay cũng như tâm tư, nguyện vọng của nhân dân về các vấn đề liên quan đến BHYT.

Đặc biệt, những thông tin cảnh báo về vấn đề gian lận, trục lợi Quỹ BHYT, giá viện phí mới, lợi ích của việc tham gia BHYT thời gian qua đã được báo chí phản ánh nhiều, từ đó mang lại hiệu ứng tích cực trong việc tổ chức, thực hiện Luật BHYT. Bên cạnh đó vai trò của đội ngũ y, bác sỹ trong công tác truyền thông về BHYT trực tiếp với bệnh nhân rất quan trọng. Nhưng trong thực tế, ngành y tế và cán bộ y tế chưa coi việc tuyên truyền về BHYT là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của ngành mình.

Do đó, ngành Y tế cần phải lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác phối kết hợp giữa cơ quan BHXH và các cơ quan báo chí đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung mới của Luật BHYT. Để thực hiện tốt mục tiêu tăng nhanh độ bao phủ BHYT trong thời gian tới và những năm tiếp theo, nhiệm vụ công tác truyền thông chính sách BHYT sẽ đóng vai trò quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức và huy động sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, đoàn thể trong việc triển khai thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn. Đó chính là giải pháp có tính đột phá, tác động tích cực và góp phần cổ vũ,

động viên người lao động và các tầng lớp nhân dân đối với việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn.

Để triển khai hiệu quả công tác tổ chức thực hiện chính sách BHYT, đảm bảo an sinh cho người dân tại mỗi địa phương, đòi hỏi cấp ủy, Đảng, chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ mục đích, ý nghĩa của chính sách này; đồng thời đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể. Đặc biệt, sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW công tác chính sách BHXH, BHYT tiếp tục được quan tâm. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt nhận thức đầy đủ, sâu sắc về chính sách, pháp luật BHYT sẽ là tiền đề quan trọng để các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội thấy rõ vai trò, trách nhiệm đối với việc tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 21-NQ/TW nói riêng và các chủ trương, chính sách BHXH, BHYT nói chung.

Những nội dung trong công tác lãnh đạo thực hiện chính sách BHYT được cụ thể hóa: đẩy mạnh công tác truyền thông với nội dung thiết thực, dưới nhiều hình thức khác nhau phù hợp với từng chủ thể cần tác động; kịp thời, ban hành các văn bản, nghị quyết, quyết định, quy định... cụ thể về chính sách BHYT, để tạo hành lang pháp lý cho việc tổ chức thực hiện; nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội và tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, thể hiện cam kết chính trị mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị thực hiện lộ trình BHYT toàn dân...

Thực tiễn đã chứng minh, trong quá trình triển khai, thực hiện chính sách BHYT cấp ủy, Đảng, chính quyền địa phương đóng một vai trò hết sức quan trọng và có tính chất quyết định trong việc đưa chính sách đi vào cuộc sống. Một trong những giải pháp có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi địa phương chính là việc phải lấy kết quả thực hiện chính sách pháp luật về BHXH, BHYT trong đó chỉ tiêu về việc gia tăng tỷ lệ người dân tham gia BHXH, BHYT; chỉ tiêu về hạn chế mức nợ đọng BHYT đến mức tối thiểu;

chỉ tiêu về tăng cường, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn, rèn luyện, đề cao ý thức và nhất là không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ KCB BHYT... phải trở thành những chỉ tiêu KT-XH quan trọng, được HĐND biểu quyết thông qua. Trên cơ sở đó các cấp chính quyền, lãnh đạo các địa phương, đơn vị sẽ thấy rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc thực hiện các mục tiêu về BHXH, BHYT mà Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra. Sự chủ động, sáng tạo và quyết liệt trong tổ chức triển khai của chính quyền địa phương chắc chắn sẽ đem lại kết quả, đáp ứng các mục tiêu của các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước đặt ra trong lĩnh vực BHYT đảm bảo ASXH cho mọi người dân, thực hiện quyền tham gia và thụ hưởng đầy đủ cho mọi người dân phù hợp với sự phát triển KT-XH của địa phương.

2.3.2.4. Vai trò của cơ quan Bảo hiểm xã hội

Ngành BHXH đã đổi mới cơ chế từ hành chính sang cơ chế phục vụ, đảm bảo tối đa quyền lợi và tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia BHYT khi đi khám chữa bệnh; thanh toán trực tiếp khi khám chữa bệnh vượt tuyến, khám chữa bệnh theo dịch vụ; tăng cường quản lý mạng lưới nhân viên đại lý thu BHYT. Mặt khác tăng cường quản lý, giám sát, theo dõi, kiểm tra hoạt động khám chữa bệnh của các cơ sở y tế, đảm bảo thanh toán chi phí khám chữa bệnh đúng đối tượng, hạn chế tối đa tình trạng lạm dụng Quỹ BHYT, đảm bảo công bằng cho người tham gia BHYT.

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

-Về xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách: Huyện ủy, UBND huyện Đăk Mil thường xuyên ban hành các quyết định, kế hoạch kịp thời tạo điều kiện thuận lợi, là cơ sở cho cơ quan BHXH trong việc thực hiện chính sách BHYT tại địa phương.

- Phổ biến, tuyên truyền chính sách BHYT được quan tâm thực hiện thường xuyên, đổi mới về nội dung và hình thức tiếp cận được nhiều tầng lớp nhân dân. Đổi mới công tác truyền thông, thường xuyên tổ chức hội nghị, đối thoại trực tiếp với người dân để giải đáp các thắc mắc kịp thời từ đó nhận thức của người dân được nâng cao.

- Đảm bảo việc phân công phối hợp thực hiện chính sách BHYT trên cơ sở vai trò của các cơ quan như Phòng LĐ-TB&XH, Trung tâm Y tế, BHXH huyện, UBND các xã/thị trấn; phối hợp nhịp nhàng, đảm bảo đúng, đủ đối tượng, việc thụ hưởng chính sách BHYT một cách đơn giản, kịp thời.

- Chính sách BHYT được đảm bảo duy trì thường xuyên, khi có sự điều chỉnh cơ quan chuyên môn kịp thời tham mưu văn bản hướng dẫn, tuyên truyền, vận động nhờ đó hàng năm BHXH huyện luôn hoàn thành kế hoạch ngành cấp trên giao.

- Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách BHYT được tổ chức thực hiện đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức của đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác BHYT trên địa bàn.

- Hằng năm, sáu tháng, các cơ quan liên quan tổ chức việc tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện. Đây là cơ sở rất quan trọng để việc thực hiện chính sách BHYT ở Đắk Mil được duy trì thường xuyên liên tục, đồng thời cho thấy những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân.

Về nguyên nhân của những thành công trong thực hiện chính sách BHYT ở huyện Đắk Mil thời gian qua do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu là nhờ có chủ trương đúng đắn, kịp thời và hợp lòng dân của các cấp từ Trung ương đến địa phương, cùng với đó là sự thống nhất, chỉ đạo

quyết liệt của Huyện uỷ, HĐND&UBND huyện. Bên cạnh đó là sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự phối hợp của các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn

thể và của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHYT các cấp, các tổ chức, đoàn thể. Rà soát các nhóm đối tượng được NSNN đóng, NSNN hỗ trợ đảm bảo không để sót đối tượng nâng cao độ bao phủ BHYT của địa phương.

Nhận thức về chính sách BHYT của người lao động, người dân được nâng cao rõ rệt. Chính sách BHYT nhận được sự đồng thuận cao và sự tích cực tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, người lao động và các tầng lớp nhân dân trong huyện.

Việc cắt giảm thủ tục hành chính, thực hiện giao dịch điện tử đối với người tham gia BHYT trong công tác nộp tiền, nộp hồ sơ báo mất, hỏng thẻ qua cổng dịch vụ công BHXH tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia.

Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách BHYT các cấp, các ngành, địa phương đã tích cực tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, cán bộ, công chức thực hiện chính sách BHYT và hộ gia đình tham gia kê khai, đăng ký BHYT; đồng thời chủ động đề xuất, báo cáo với các cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để giải quyết kịp thời.

2.4.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách BHYT thời gian qua còn bị động do chờ văn bản hướng dẫn từ Trung ương, tỉnh nên việc xây dựng kế hoạch còn chậm ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn.

- Công tác phổ biến, tuyên truyền chính sách gặp một số khó khăn trong công tác tuyên truyền lưu động do địa bàn rộng, dân cư thưa thớt, đồng bào dân tộc tại chỗ nhiều.

- Phân công, phối hợp thực hiện chính sách BHYT giữa các ngành về chính sách BHYT chưa đồng bộ, tuyên truyền chưa sâu rộng, quản lý Nhà nước ở các cấp về chính sách BHYT còn lỏng lẻo.

- Việc điều chỉnh chính sách BHYT chưa kịp thời, ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền cho người dân tiếp tục tham gia mua thẻ BHYT và liên quan đến việc thực hiện chỉ tiêu bao phủ BHYT của địa phương.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách BHYT chưa thường xuyên, chưa có chế tài đối với đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác thực hiện quyết định, chỉ tiêu, lập danh sách tham gia cho các nhóm đối tượng được NSNN cấp, thiếu sự kiểm tra, giám sát để kịp thời chấn chỉnh những sai sót.

- Công tác tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chính sách BHYT chưa kịp thời tham mưu Huyện ủy, UBND huyện trong công tác đánh giá, khen thưởng đề động viên đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nêu gương điển hình trong thực thi nhiệm vụ cũng như có giải pháp đối với những cán bộ chưa tuân thủ quy trình thực hiện chính sách BHYT.

Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau trong thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil thời gian qua, nhưng chủ yếu là do:

- Nhận thức chưa đầy đủ về chính sách BHYT và vai trò của BHYT đối với đời sống xã hội của nhân dân nên việc thực hiện chính sách BHYT còn gặp bất cập, lúng túng nhất là trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách BHYT của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể ở một số xã.

- Một số cán bộ làm công tác thực hiện chính sách BHYT ở cơ sở chủ yếu kiêm nhiệm nên chưa triển khai thường xuyên, thậm chí có xã phương thức tổ chức tuyên truyền máy móc, dập khuôn, đơn điệu, qua loa cho xong việc, xem đây là nhiệm vụ của cơ quan BHXH.

- Nhận thức của người dân về chính sách BHYT chưa đầy đủ, còn nhiều hạn chế trong tư duy, chưa có sự quan tâm đúng mức về chính sách BHYT đối với bản thân và gia đình trong việc chăm sóc sức khỏe. Chỉ khi đau, ốm phải nộp viện phí cao thì người dân mới thấy giá trị và tầm quan trọng của thẻ BHYT.

- Năng lực đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác BHYT chưa đáp ứng yêu cầu trong thực hiện chính sách BHYT tại cơ sở, nhất là đối với đặc thù một huyện miền núi như Đắk Mil.

Tiểu kết chương 2

Trên cơ sở khái quát về đối tượng nghiên cứu: huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, chương 2 tập trung đánh giá thực trạng việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trên 6 nội dung chủ yếu như: Về xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách; Phổ biến, tuyên truyền chính sách; Phân công, phối hợp thực hiện chính sách; Duy trì, điều chỉnh chính sách; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách và Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chính sách BHYT trong giai đoạn nghiên cứu.

Đồng thời, phân tích các yếu tố tác động đến thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil. Theo đó, luận văn đã dành một dung lượng phù hợp đánh giá chung về những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của việc thực hiện chính sách BHYT huyện Đắk Mil. Đây là cơ sở hết sức quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp thực hiện chính sách BHYT huyện Đắk Mil giai đoạn đến năm 2025.

Chương 3

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

3.1. Định hướng về việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế của huyện Đăk Mil trong giai đoạn phát triển mới

Đảng bộ, chính quyền, mặt trận, các hội, đoàn thể của huyện Đăk Mil có quan điểm nhất quán về thực hiện chính sách BHYT. Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách CSSK, hỗ trợ thể BHYT và tập trung phát triển KT-XH, đẩy mạnh giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới gắn với việc bảo đảm ASXH. Trong đó có việc bảo vệ, chăm lo, nâng cao sức khỏe cho nhân dân. Cụ thể, Huyện ủy Đăk Mil đã đề ra một số mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, các tiêu chí sau:

- Phấn đấu 100% Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia.
- Tỷ lệ tham gia BHYT đạt bao phủ 95%.
- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt trên 90%.
- Tỷ lệ trẻ dưới 6 tuổi suy dinh dưỡng, thấp còi dưới 20%.
- Phấn đấu đạt 11,7% bác sỹ /vạn dân và 2% dược sỹ/vạn dân.
- Phấn đấu dân số toàn huyện được quản lý sức khỏe là 95%.
- Phấn đấu đạt 34 giường bệnh/vạn dân.
- Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi 12% và trẻ dưới 1 tuổi còn 9%.
- Tỷ lệ hài lòng của nhân dân đối với dịch vụ y tế đạt 95%.

Để thực hiện đạt các chỉ tiêu trên, Đảng bộ và chính quyền huyện Đăk Mil đã tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân với các nhiệm vụ, nội dung chủ yếu sau:

Một là, bám sát Nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy đã ban hành. Xác định nhiệm vụ bảo vệ, CSSK đối với người dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa sâu sắc. Tập trung tổ chức

thực hiện chính sách BHYT đồng bộ, chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã, phần đầu hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu mà Nghị quyết đã đề ra.

Hai là, huy động và tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở tại các xã để phát triển KT-XH, trong đó đầu tư xây dựng, nâng cấp Trạm Y tế xã, mua sắm trang thiết y tế hiện đại để phục vụ nhu cầu KCB của nhân dân. Gắn liền với đó là các chính sách về dinh dưỡng cho trẻ, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêm chủng vắc xin,... hướng đến bao phủ BHYT toàn dân, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng trong huyện và vùng lân cận trên tất cả các lĩnh vực.

Ba là, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, chương trình, dự án phù hợp với tình hình thực tế của địa phương có mục tiêu cơ bản, dài hạn vào gắn liền với phát triển KT-XH hướng tới thực hiện CSSK toàn diện.

Bốn là, tổ chức bồi dưỡng, đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sỹ và cán bộ thực hiện chính sách BHYT để nâng cao tinh thần thái độ phục vụ nhân dân, chất lượng KCB, có trách nhiệm với công việc được giao, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng, đầy đủ, chính xác và kịp thời các chế độ, chính sách BHYT đối với người dân.

Năm là, tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của các mô hình thực hiện chính sách BHYT, các cách làm hay, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, cải cách thủ tục hành chính của các địa phương trong thực hiện chính sách BHYT để nhân rộng, khích lệ, động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt và tổ chức kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện chính sách về BHYT thường xuyên nếu phát hiện các hành vi vi phạm chính sách BHYT sẽ xử lý nghiêm.

Nhìn chung, quan điểm của huyện Đắc Mil là tập trung thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách BHYT đối với nhân dân trên địa bàn huyện để nhân

dân có thể BHYT khi ốm đau được CSSK. Trên cơ sở Nghị quyết của Huyện ủy, đề án, kế hoạch của UBND huyện Đắk Mil, chính quyền các xã, thị trấn đã xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách BHYT trong đó có đề ra các chỉ tiêu, nội dung, thời gian, địa điểm, phân công các ban ngành chịu trách nhiệm thực hiện và nguồn kinh phí thực hiện.... gắn liền với phát triển KT-XH ở địa

phương, giảm nghèo bền vững. Tiếp cận giảm nghèo theo hướng đa chiều, các xã cũng đã nhận thấy rõ tầm quan trọng của chính sách BHYT là cơ sở cần để vận động, khuyến khích nhân dân phấn đấu vươn lên thoát nghèo và thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương. Để đạt mục tiêu đề ra, các xã, thị trấn cũng đã xác định nội dung, nhiệm vụ và những lĩnh vực cần tập trung thực hiện, như:

- Tranh thủ huy động các nguồn lực tài chính để phát triển kết cấu hạ tầng, sửa chữa nâng cấp các Trạm y tế và thực hiện đầy đủ chính sách

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý chính sách BHYT ở cấp xã.

- Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các Hội, đoàn thể và của người uy tín trong việc thực thi, giám sát thực hiện chính sách BHYT.

3.2. Giải pháp thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil đến năm 2025

3.2.1. Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách BHYT

- Các cơ quan BHXH, LĐ-TB&XH, Trung tâm y tế huyện Đắk Mil cần tích cực, chủ động tham mưu cho Huyện ủy, HĐND&UBND huyện Đắk Mil, xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách BHYT thành hệ thống văn bản

riêng. Hướng dẫn thực hiện chính sách BHYT đối với nhân dân trên địa bàn

huyện Đắk Mil. Trên cơ sở đó, hàng năm có Kế hoạch, Chương trình thực hiện chính sách BHYT cụ thể, đề ra các chỉ tiêu, hướng dẫn quy trình, lộ trình thực hiện.

- Các văn bản hướng dẫn phải do cơ quan chủ trì thực hiện chính sách xây dựng, trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển KT-XH của địa phương trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn. Kế hoạch phải sát, hợp với tình hình thực tế của huyện, từng xã, thị trấn và có tính khả thi cao cũng như có các công cụ, chỉ số để đo lường, đánh giá, tránh tình trạng rập khuôn, máy móc.

3.2.2. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách BHYT trên địa bàn

- Đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành và toàn thể xã hội về vị trí, nhiệm vụ của chính sách BHYT trong tình hình mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị chứ không phải nhiệm vụ riêng của ngành BHXH. Xem việc thực hiện chính sách BHYT là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên tuyên truyền sâu rộng cho cán bộ, Đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân của các cấp ủy, Đảng, chính quyền, mặt trận, hội, đoàn thể từ huyện đến xã.

- Việc phổ biến, tuyên truyền chính sách BHYT cần phải được đổi mới về nội dung, đa dạng về hình thức tuyên truyền, thường xuyên tổ chức hội nghị đối thoại, xử lý, giải quyết các vấn đề nổi cộm có tính bức xúc trong dân, xây dựng, tạo niềm tin trong nhân dân.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động đối với nhân dân bằng nhiều cách, nội dung truyền đạt dễ hiểu, dễ nhớ, thông qua các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào giáo dân để

có thể truyền tải đầy đủ ý nghĩa, nội dung của chính sách BHYT. Hướng dẫn, phân tích, giải thích để bà con hiểu về nghĩa vụ cũng như quyền lợi được

hưởng khi tham gia BHYT, trong đó bao gồm bảo vệ lợi ích an sinh cho cá nhân, gia đình và cả cộng đồng.

- Nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên, người lao động và nhân dân, chú trọng thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách BHYT để họ tự quan tâm, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của mình. Tổ chức việc học tập, phổ biến, tuyên truyền những nội dung, quan điểm mới của Luật BHYT, mở các phóng sự, chuyên trang, chuyên mục, tin bài,... Thông qua đó, sẽ góp phần nâng cao nhận thức của người tham gia. Công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn xã hội, cho mọi người dân cần phải tiến hành đồng bộ, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật BHYT trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên truyền hình, báo chí, trên sóng phát thanh, các áp phích, pano, tranh cổ động, tuyên truyền đa dạng với nhiều nội dung phù hợp với từng đối tượng tham gia BHYT.

3.2.3. Chủ động phân công, phối hợp thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn

- UBND huyện cần đưa nội dung thực hiện chính sách BHYT trở thành một trong những nhiệm vụ cấp bách, cần thiết, cơ bản trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành vào trong các chương trình, kế hoạch phát triển

KT-XH hàng năm và những năm tiếp theo; phân cấp, giao trách nhiệm cho các địa phương trong việc quản lý, sử dụng, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện chính sách BHYT. Nâng cao nhận thức, vai trò và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận đoàn thể từ cấp huyện đến cấp xã về chính sách BHYT trong quá trình triển khai, tổ chức, thực hiện chính sách BHYT tại địa phương.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan thực hiện chính sách gồm: Cơ quan BHXH, Phòng LĐ-TB&XH và Trung tâm Y tế huyện. Thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin, giải quyết công việc nhanh

chóng, chính xác tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân trong việc tham gia BHYT.

- Tăng cường các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị y tế nhằm thực hiện chính sách BHYT có hiệu quả và đạt các mục tiêu đề ra. Nguồn lực cho việc thực hiện chính sách cần được huy động từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, các tổ chức quốc tế và cần khai thác các nguồn lực trong nhân dân nhằm giảm bớt chi phí từ nguồn ngân sách Nhà nước. Đặc biệt, là tăng cường hỗ trợ, giảm bớt cho không, tặng vốn đối ứng của đối tượng hưởng lợi, để nhằm giảm sự ỷ lại, trông chờ vào Nhà nước và tăng sự chủ động cùng tham gia của người dân.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sỹ và đội ngũ cán bộ làm công tác thực hiện chính sách BHYT đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao trong tình hình mới. Tiếp tục giáo dục, tu dưỡng, đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện phẩm chất chính trị, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ y, bác sỹ và đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách BHYT. Lấy niềm tin của nhân dân làm thước đo, cơ sở để đánh giá cán bộ hàng năm.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, thống nhất thủ tục thực hiện chính sách BHYT từ huyện đến xã và đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ vào thực hiện chính sách BHYT. Trong công tác quản lý đối tượng tham gia BHYT sử dụng các phần mềm để theo dõi, cập nhật thông tin cá nhân, bổ sung, thay đổi, cắt giảm nhân khẩu di biến động, ... khai thác các thông tin cần thiết khác làm cơ sở để hoạch định, xây dựng và thực hiện các chính sách ASXH đối với người dân trên địa bàn huyện tốt hơn. Bên cạnh đó, tiếp tục liên kết với các bệnh viện lớn, bệnh viện tuyến trên để được giúp đỡ, hỗ trợ, nhận chuyển giao kỹ thuật điều trị tiên tiến, hiện đại.

3.2.4. Thường xuyên duy trì, điều chỉnh chính sách BHYT một cách kịp thời

- Cũng như các chính sách công khác, chính sách BHYT không thể đúng với mọi thời gian, không gian, hoàn cảnh. Vì vậy trong quá trình thực hiện các giải pháp điều chỉnh chính sách BHYT phải xuất phát từ thực tiễn, có sự tham gia của nhà nước, của người dân. Việc điều chỉnh chính sách BHYT phải theo hướng phân cấp mạnh, trao quyền tự chủ cho cấp cơ sở, hạn chế cơ chế xin cho. Điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi và tích hợp các chính sách theo hướng đơn giản, thống nhất trong hệ thống văn bản, tránh chồng chéo, mâu thuẫn và cần thống nhất một đầu mối quản lý.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, mặt trận, hội, đoàn thể đối với công tác tuyên truyền chính sách BHYT. Việc thực hiện chính sách BHYT không phải là nhiệm vụ riêng của các cơ quan chuyên môn mà đây là nhiệm vụ chung của toàn bộ hệ thống chính trị, của tất cả các cấp, các ngành và của nhân dân. Do đó, cần phải có sự phân công, phân cấp hợp lý, phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện chính sách BHYT. Nâng cao vai trò của mặt trận, hội, đoàn thể trong công tác tuyên truyền đối với hội viên, phát huy vai trò của người uy tín đối với cộng đồng về tuyên truyền chính sách BHYT đến với người dân. Các chủ thể chính sách, đối tượng thụ hưởng và đối tượng tác động chính sách BHYT. Những cơ quan thực thi chính sách cần kịp thời phát hiện và chủ động đề xuất các giải pháp để duy trì chính sách một cách hiệu quả.

3.2.5. Tăng cường hiệu quả công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách BHYT

- Công tác kiểm tra cần được thực hiện theo kế hoạch, đột xuất, thường xuyên, định kỳ. Nội dung cụ thể, có trọng tâm, không dàn trải. Từ kiểm tra nghiêm túc, sẽ có cơ sở đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách. Do đó để

nâng cao công tác kiểm tra đánh giá có hiệu quả thì phải xác định đúng đối tượng, nội dung, lĩnh vực, thời gian tổ chức và địa điểm kiểm tra. Kết quả kiểm tra phải khách quan, trung thực. Đã có nhiều cuộc thanh - kiểm tra không sát với thực tế, kết luận sau thanh tra không đầy đủ nên vẫn còn những hạn chế tồn tại, vướng mắc hoặc sai sót không được khắc phục, tháo gỡ.

Chính vì vậy, thời gian tới Lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành của huyện Đăk Mĩ phải gương mẫu, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, bản lĩnh chính trị, nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra, thanh tra viên để công tác thanh tra hiệu quả. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xử lý nghiêm tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật chính sách BHYT và khen thưởng những cá nhân, đơn vị thực hiện tốt.

- Công tác kiểm tra chính sách BHYT phải được thực hiện thường xuyên tại các xã, các ngành, cơ quan quản lý BHYT. Tập trung, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chính sách BHYT phải thường xuyên, định kỳ và đột xuất. Nếu phát hiện các vi phạm về chính sách BHYT, tùy theo mức độ, nếu nặng, nghiêm trọng thì cần phải xử lý nghiêm minh.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ làm chính sách BHYT là cần thiết, để công tác kiểm tra, hướng dẫn, giải thích, đánh giá về chính sách BHYT của Đảng, Nhà nước đầy đủ kịp thời. Có như vậy chính sách mới đi vào cuộc sống, làm thay đổi nhận thức của người dân, công tác kiểm tra, đánh giá sẽ đầy đủ, chính xác hơn và những vướng mắc hạn chế, khó khăn, tồn tại hạn chế tại các cơ quan, địa phương sẽ sớm được khắc phục.

3.2.6. Đẩy mạnh công tác tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil

- Tăng cường năng lực và nâng cao hiểu biết của người dân để họ có thể tiếp cận hệ thống ASXH ở mức tối đa nói chung, chính sách BHYT nói riêng. Sự tham gia rộng rãi hơn của người dân vào lập kế hoạch, đóng góp ý kiến, cải thiện chất lượng dịch vụ và giám sát việc thực hiện chính sách BHYT, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ và cơ hội tiếp cận BHYT.

- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và tháng 1 năm sau cơ quan BHXH tham mưu UBND huyện tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá các mặt đã làm được để nhân rộng cách làm hay, gương điển hình tiên tiến; các hạn chế từ đó tìm ra nguyên nhân đưa ra các giải pháp để thực hiện cho những quý, năm tiếp theo. Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng, biểu dương các cá nhân, tập thể, đơn vị thực hiện tốt chính sách BHYT, chính sách ASXH một cách kịp thời. Qua đó, nâng cao nhận thức trong cán bộ, hệ thống chính trị trong tuyên truyền về chính sách BHYT để nhân dân thấy rõ lợi ích, ý nghĩa của chính sách BHYT đối với cuộc sống, sức khỏe mỗi người, mỗi gia đình, cộng đồng xã hội.

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Đối với Trung ương (Chính phủ, các Bộ, ngành)

- Nhà nước cần sớm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, mở rộng các nhóm đối tượng được Nhà nước hỗ trợ thẻ BHYT. Không chỉ áp dụng người dân, nhóm yếu thế trong xã hội, cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn mà cần xem xét bổ sung đối tượng là đồng

bào dân tộc thiểu số ở các vùng khác trong cả nước, có thể xem xét trên một số tiêu chí như nơi sinh sống, dân số, trình độ dân trí, ... để có chính sách hỗ trợ phù hợp.

- Bố trí nguồn nhân lực, vật chất để thực hiện các mục tiêu đặt ra. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư vào vùng miền núi, dân tộc; trong đó ngân sách Nhà nước là chủ yếu, đồng thời chú trọng huy động vốn ODA. Việc cấp vốn và tổ chức triển khai cần thực hiện đồng bộ, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh đầu tư dàn trải, kịp thời theo thứ tự ưu tiên.

- Tăng cường phân cấp quản lý và giao quyền tự chủ cho địa phương trong việc thực thi chính sách BHYT.

3.3.2. Đối với UBND tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Đắk Mil Đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Đắk Mil quan tâm:

- Bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính sách BHYT cho người dân. Mua sắm, sửa chữa máy móc, loa phát thanh tại các xã, hỗ trợ người uy tín, già làng để họ tuyên truyền chính sách BHYT cho nhân dân.

- Quan tâm chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình và ban hành các chính sách, chiến lược lâu dài. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trang bị thiết bị y tế đối với các trạm y tế xã. Có chính sách hỗ trợ đối với người bệnh khi ốm đau chuyển tuyến.

- Bố trí kinh phí bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sỹ và đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện chính sách BHYT.

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở định hướng cũng như quan điểm về việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế của huyện Đắk Mil trong giai đoạn phát triển mới, cũng như những tồn tại hạn chế của việc thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil, chương 3 đã tập trung đề xuất một số giải pháp cụ thể như: 1/

Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách BHYT; 2/ Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách

BHYT trên địa bàn; 3/ Chủ động phân công, phối hợp thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn; 4/ Thường xuyên duy trì, điều chỉnh chính sách BHYT một cách kịp thời; 5/ Tăng cường hiệu quả công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách BHYT; và 6/ Đẩy mạnh công tác tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil.

Để các giải pháp mang tính khả thi, luận văn đã đề xuất một số kiến nghị đối với: Đối với Trung ương (Chính phủ, các Bộ, ngành); đối với UBND tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Đắk Mil trong thực hiện chính sách BHYT thời gian tới.

KẾT LUẬN

Chính sách BHYT ở Việt Nam đã khẳng định tính đúng đắn của một chính sách xã hội của Đảng, Nhà nước, phù hợp với tiến trình đổi mới của đất nước. BHYT góp phần tạo sự công bằng trong khám chữa bệnh, đến nay người sử dụng lao động, người lao động và người dân ngày càng nhận thức đầy đủ hơn về sự cần thiết của BHYT cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội, đặc biệt là đối với các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội.

Căn cứ mục tiêu nghiên cứu của đề tài “Thực hiện chính sách BHYT ở huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông”, bằng các phương pháp nghiên cứu khác nhau, luận văn đã giải quyết được một số nội dung sau:

Thứ nhất, tập trung làm rõ cơ sở lý luận của chính sách BHYT và thực hiện chính sách BHYT, bao gồm các khái niệm về chính sách công, BHYT, ASXH, ... Vai trò của chính sách, quy trình mục tiêu và nguyên tắc thực hiện chính sách BHYT. Đồng thời, luận văn đã trình bày kinh nghiệm của một số địa phương như Bắc Ninh, Phú Thọ, Cần thơ trong thực hiện chính sách BHYT, rút ra bài học có thể áp dụng vào huyện Đắk Mil.

Thứ hai, trên cơ sở khái quát về đối tượng nghiên cứu: huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, chương 2 tập trung đánh giá thực trạng việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trên 6 nội dung chủ yếu như: Về xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách; Phổ biến, tuyên truyền chính sách; Phân công, phối hợp thực hiện chính sách; Duy trì, điều chỉnh chính sách; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách và Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện chính sách BHYT trong giai đoạn nghiên cứu.

Đồng thời, phân tích các yếu tố tác động đến thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil. Theo đó, luận văn đã dành một dung

lượng phù hợp đánh giá chung về những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của việc thực hiện chính sách BHYT huyện Đắk Mil.

Thứ ba, trên cơ sở định hướng cũng như quan điểm về việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế của huyện Đắk Mil trong giai đoạn phát triển mới, chương 3 đã tập trung đề xuất một số giải pháp cụ thể như: 1/ Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách BHYT 2/ Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách BHYT trên địa bàn 3/ Chủ động phân công, phối hợp thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn 4/ Thường xuyên duy trì, điều chỉnh chính sách BHYT một cách kịp thời 5/ Tăng cường hiệu quả công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện chính sách BHYT 6/ Đẩy mạnh công tác tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn huyện Đắk Mil.

Để các giải pháp mang tính khả thi, luận văn đã đề xuất một số kiến nghị đối với: Đối với Trung ương (Chính phủ, các Bộ, ngành); đối với UBND tỉnh Đắk Nông, UBND huyện Đắk Mil và đối với các Phòng, ban, ngành của huyện Đắk Mil trong thực hiện chính sách BHYT trên địa bàn thời gian tới.

Đây là một đề tài cần được nghiên cứu một cách khoa học, logic toàn diện vì thế cần nghiên cứu một cách sâu sắc hơn trong thời gian tới./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Nguyên Anh và cộng sự (2007), “Những yếu tố quyết định khả năng tham gia BHYT ở Việt Nam”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1/2007.
2. Trịnh Hòa Bình (2005), *BHYT trong hệ thống an sinh xã hội. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn hiện nay*/Viện Xã hội học, Hà Nội.
3. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2016), *Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTBXH ngày 26/07/2016 hướng dẫn xác định, quản lý đối tượng tham gia BHYT theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT*.
4. Bộ Y tế - Bộ Tài chính (2014), *Thông tư số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24/11/2014 về việc hướng dẫn thực hiện BHYT*.
5. Đàm Viết Cường (2007), *Tình hình chăm sóc sức khỏe cho người nghèo tại 05 tỉnh miền núi phía Bắc và Tây nguyên*, Viện Chiến lược và Chính sách y tế.
6. Chính phủ (2005), *Nghị định số 63/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2005 về việc ban hành điều lệ BHYT*.
7. Chính phủ (2014), *Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật BHYT*.
8. Phạm Huy Dũng, Nguyễn Kim Cúc, Nguyễn Khánh Phương, Trần Thị Mai Oanh (1999), *Viện phí và người nghèo ở Việt Nam*, Viện Chiến lược và Chính sách y tế.
9. Hội đồng Bộ trưởng (1992), *Nghị định 299/HĐBT-36 ngày 25 tháng 8 năm 1992 về “BHYT đối với các đơn vị doanh nghiệp liên doanh, các tổ chức, văn phòng đại diện của người nước ngoài, tổ chức quốc tế đặt tại*

Việt Nam có thuê lao động là người Việt Nam, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 46/NQ-TW ngày 23 tháng 2 năm 2003 về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.*

11. Đảng cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020.*

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.*

13. Nguyễn Hữu Hải (2014), *Chính sách công-những vấn đề cơ bản,*

14. Hồ Việt Hạnh (2017), *Bàn về khái niệm chính sách công,* Tạp chí

15. Nguyễn Khánh Phương (2002), *Tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ CSSK cho người nghèo: Đánh giá chính sách thu viện phí,* Viện chiến lược và Chính sách y tế.

16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật BHYT số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008,* Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua.

17. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật BHYT số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT 2008.*

18. *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (1995), Nxb, Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

19. Tổ chức Lao động quốc tế (1952), *Công ước số 102 ngày 28/6/1952 về Quy phạm tối thiểu về an toàn xã hội.*

20. Trần Văn Tiến (2010), “Tổng quan về Chính sách Bảo hiểm y tế ở một số nước trên thế giới” (Phần I), Tạp chí *Chính sách y tế*, số 6/2010.
21. Trần Văn Tiến (2011), “Tổng quan về Chính sách Bảo hiểm y tế ở một số nước trên thế giới (Phần II)”, Tạp chí *Chính sách y tế*, số 7/2011.
22. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 538/2013/QĐ-TTg ngày 21/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về mở rộng đối tượng tham gia BHYT*.
23. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu thực hiện BHYT giai đoạn 2016-2020*.
24. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil (2015-2020), *Báo cáo tình hình phát triển KT-XH trên địa bàn huyện Đắk Mil*.
25. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil (2016), *Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 về Đề án xây dựng xã đạt chuẩn tiêu chí quốc gia về y tế trên địa bàn huyện Đắk Mil, giai đoạn 2016-2020*.
26. Xã luận: “Xuân an sinh, khởi sắc, đất nước phát triển bền vững”, *Tạp chí BHHH*, số 2A/2017.
27. Thomas A.Birkland (2011), *An introduction to the policy process: theories concepts, and models of public making*, M.E.Sharpe Armonk, New York, London, England.
28. Amy DeGroff, Margaret Cargo (2009), *Policy Implementation: Implications for Evaluation*, New Directions For Evaluation, No.124, pp.47-.
29. Wayne Hayes (2001), *The Public Policy Web*.
30. https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_Mil.

